BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 37/2026
Từ 21/9 - 25/9/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ TRẦN CẨM TÚ CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Sáng ngày 25/9/2026, đồng chí Trần Cẩm Tú, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hoá Việt Nam chủ trì Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo triển khai nhiệm vụ quý 4 năm 2026.



Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú chủ trì Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa - Ảnh: TTXVN

Thực hiện 3 "chuyển dịch" lớn trong phát triển văn hóa Việt Nam

Phiên họp đánh giá toàn diện tình hình, kết quả 9 tháng của năm 2026 triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa, các kết luận, chỉ đạo liên quan, đặc biệt là những chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại phiên họp Ban Chỉ đạo Trung ương lần thứ 2 (ngày 13/7/2026); đồng thời rà soát công tác chuẩn bị cho hai sự kiện chính trị - văn hóa quan trọng cuối năm, gồm: Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ tư và "Ngày Văn hóa Việt Nam" - 24/11/2026.

Sau khi đồng chí Lâm Thị Phương Thanh, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo trình bày báo cáo và các ý kiến phát biểu, thảo luận, thay mặt Thường trực Ban Chỉ đạo, đồng chí Trần Cẩm Tú đánh giá cao sự nỗ lực của Cơ quan Thường trực (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), cũng như tinh thần làm việc trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo.

Ghi nhận sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị đối với công tác phát triển văn hóa, đồng chí đánh giá, trong hoàn thiện thể chế về phát triển văn hóa, Quốc hội đã thông qua Luật Xuất bản sửa đổi, Nghị quyết số 28 về phát triển văn hóa; Chính phủ đã ban hành 6 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 3 Quyết định quan trọng. Nhiều địa phương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng ... đã chủ động ban hành các chính sách đặc thù, quy hoạch không gian văn hóa, khơi thông các nguồn lực cho phát triển.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chỉ rõ thực tiễn đang bộc lộ "4 khoảng trống lớn" cần được nhận diện đầy đủ và sớm khắc phục. Đó là sức hấp dẫn và năng lượng lan tỏa của các giá trị văn hóa tích cực trong môi trường số chưa theo kịp tốc độ phát triển của các nền tảng và nội dung số. Năng lực chuyển hóa di sản văn hóa thành nguồn lực dữ liệu, tri thức số, tài sản trí tuệ và sức sáng tạo quốc gia.

Năng lực sáng tạo các sản phẩm văn hóa có sức cạnh tranh quốc gia còn hạn chế. Khoảng trống về thể chế và hệ sinh thái phát triển công nghiệp văn hóa. Nghị quyết số 80-NQ/TW đặt mục tiêu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP vào năm 2030 và 9% vào năm 2045, trong khi tỷ trọng hiện nay mới chỉ đạt khoảng 4% GDP

Khoảng cách ấy cho thấy vẫn thiếu một hệ sinh thái đồng bộ về thể chế, thị trường, dữ liệu, nhân lực và cơ chế huy động nguồn lực để chuyển hóa sức sáng tạo văn hóa thành sức sản xuất mới và động lực tăng trưởng của quốc gia.

Những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, tầm nhìn và khát vọng phát triển đã được xác lập rõ trong Nghị quyết số 80. Nhấn mạnh điều này, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú đề nghị tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc những tư tưởng chỉ đạo chiến lược, rất quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. Đó là đẩy mạnh thực hiện 3 "chuyển dịch" lớn trong phát triển văn hóa Việt Nam.

Theo đó, cần chuyển từ tư duy coi văn hóa là một lĩnh vực phát triển sang xác lập văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là trụ cột của phát triển, động lực tăng trưởng mới, hiện diện trong mọi quyết sách về kinh tế, chính trị, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và quản trị quốc gia; Chuyển từ không gian văn hóa truyền thống sang phát triển văn hóa trong cả không gian thực và không gian số; Chuyển từ tư duy bảo tồn là chủ yếu sang kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn và sáng tạo, để văn hóa không chỉ giữ gìn các giá trị truyền thống mà còn tạo ra tri thức mới, tài sản trí tuệ, sản phẩm, thị trường và sức mạnh mềm quốc gia.

Tập trung nguồn lực, thể chế và hạ tầng số

Triển khai Nghị quyết số 80-NQ/TW cần đặt trong tổng thể thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cũng như chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. Trên tinh thần đó, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú đề nghị tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm.

Đồng chí đề nghị tiếp tục rà soát, tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất Nghị quyết số 80-NQ/TW với các nghị quyết, kết luận, chủ trương mới của Trung ương. Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp khả thi, hiệu quả tập trung khắc phục kịp thời 4 "khoảng trống," thực hiện 3

"chuyển dịch" lớn và 4 nhiệm vụ trọng tâm đã được đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước chỉ đạo tại Phiên họp thứ 2; làm rõ nội dung nào đã chuyển biến, nội dung nào còn chậm, nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan chủ trì.

Cùng với đó kịp thời hoàn thiện các dự án luật, cơ chế, chính sách còn đang xây dựng, trước hết là Luật Phát triển công nghiệp văn hóa và các văn bản có liên quan; rà soát những khó khăn, vướng mắc về phân cấp, phân quyền, đầu tư, đất đai, bản quyền, xã hội hóa, hợp tác công tư để chủ động xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét.

Đồng chí Trần Cẩm Tú yêu cầu tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách đã ban hành. Việc bố trí nguồn lực cho văn hóa cần bám sát mục tiêu dành tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước đồng thời phải gắn với nâng cao chất lượng phân bổ, khả năng giải ngân và hiệu quả sử dụng nguồn lực; ngân sách nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tập trung cho những nhiệm vụ có tính nền tảng, thiết yếu, thực hiện kịp thời nhưng tuyệt đối không được để xảy ra tiêu cực, lãng phí; đồng thời có cơ chế đủ mạnh để huy động nguồn lực doanh nghiệp và xã hội. Việc đầu tư thiết chế văn hóa phải chuyển mạnh từ yêu cầu "có thiết chế" sang "thiết chế hoạt động hiệu quả", thu hút người dân tham gia để tạo ra giá trị cộng đồng.

Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú nhấn mạnh tầm quan trọng của đẩy nhanh chuyển đổi số và xây dựng hạ tầng dữ liệu văn hóa. Thực hiện nghiêm các kết luận về công tác bảo tồn, bảo tàng; coi dữ liệu lịch sử, văn hóa, di sản là một bộ phận quan trọng của hạ tầng văn hóa quốc gia; thúc đẩy việc xây dựng Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia thống nhất, liên thông, có khả năng kiểm chứng và khai thác lâu dài. Bảo tồn phải gắn với phát huy giá trị, giáo dục, sáng tạo và phát triển, không để di sản chỉ tồn tại dưới dạng tài nguyên chưa được chuyển hóa thành tri thức và giá trị mới.

Đồng chí đề nghị, khẩn trương hoàn thiện các công cụ đo lường phát triển văn hóa. Phải phân định rõ và vận hành đồng bộ Bộ Chỉ số văn hóa quốc gia; Bộ Chỉ số thống kê về đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đối với phát triển kinh tế; Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 80.

Về công tác chuẩn bị nội dung sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW và xây dựng Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo năm 2027, đồng chí Trần Cẩm Tú yêu cầu thực hiện công tác này phải thực chất, không chỉ tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, mà phải trả lời sau 1 năm, Nghị quyết đã tạo ra những thay đổi gì trong đời sống văn hóa; những cơ chế, chính sách nào đã phát huy hiệu quả, cơ chế nào còn vướng; 4 "khoảng trống" đã được giải quyết đến mức nào; 3 "chuyển dịch" đã thực sự diễn ra hay chưa; nhiệm vụ nào có sản phẩm cụ thể, nhiệm vụ nào chậm tiến độ; đồng thời đề xuất những vấn đề Ban Chỉ đạo cần tập trung trong năm 2027.

Về công tác chuẩn bị "Ngày Văn hóa Việt Nam" - 24/11/2026, Thường trực Ban Bí thư đề cập, các địa phương, bộ, ngành thực hiện chính sách miễn, giảm phí tham quan, sử dụng dịch vụ tại các cơ sở văn hóa, thể thao công lập cho nhân dân trong ngày 24/11; tổ chức các hoạt động văn hóa thiết thực tại cơ sở.

Nguồn: vietnamnet.vn

NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Chiều ngày 23/9/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Định danh và xác thực điện tử tại phiên họp thứ 6.

Thiết lập khuôn khổ pháp lý đầy đủ, thống nhất về định danh và xác thực điện tử

Trình bày Tờ trình về dự án luật tại phiên họp, Thượng tướng Phạm Thế Tùng, Thứ trưởng Bộ Công an cho biết dự thảo luật có bố cục gồm 8 chương với 46 điều, quy định về định danh và xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Luật được xây dựng và ban hành nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý đầy đủ, thống nhất và có hiệu lực pháp lý cao về định danh và xác thực điện tử, làm cơ sở cho việc tạo lập, quản lý, sử dụng danh tính điện tử trong các hoạt động quản lý nhà nước, giao dịch điện tử và phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ chủ quyền số quốc gia.

Tạo cơ sở pháp lý cho việc định danh thống nhất các thực thể trong môi trường vật lý và môi trường điện tử, qua đó làm nền tảng cho kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

Hoàn thiện cơ chế quản lý tập trung, thống nhất hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, thúc đẩy cung cấp dịch vụ xác thực tin cậy cho các giao dịch điện tử, bảo đảm minh bạch, an toàn và phù hợp thông lệ quốc tế.

Luật được xây dựng trên quan điểm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định là nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập lớn, cơ bản, mang tính phổ quát, là điểm nghẽn cần phải tháo gỡ trong thực tiễn triển khai định danh và xác thực điện tử thời gian qua. Bảo đảm rà soát tất cả các luật, nghị quyết của Quốc hội về quy định nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực định danh và xác thực điện tử; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan; tính khả thi của các chính sách của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay; khảo sát, nghiên cứu học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài về định danh và xác thực điện tử.

Về các nội dung cơ bản, dự thảo Luật xây dựng khuôn khổ pháp lý chung, thống nhất về định danh và xác thực điện tử, quy định các vấn đề có tính nguyên tắc về đối tượng, mô hình thực hiện hoạt động định danh điện tử; tạo lập, quản lý, sử dụng danh tính điện tử và mã định danh; xác thực điện tử; dữ liệu, hệ thống và nền tảng định danh và xác thực điện tử; dịch vụ định danh, xác thực điện tử; liên thông, hợp tác quốc tế; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và quản lý nhà nước về định danh, xác thực điện tử.

Đồng thời, dự thảo Luật được thiết kế theo hướng không quy định lại các quy trình, thủ tục và quan hệ quản lý đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh mà thiết lập cơ chế chung để nhận diện, liên kết và xác thực các đối tượng trên môi trường điện tử. Đối với những nội dung

thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành như đăng ký, xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng, quản lý sản phẩm, hàng hóa, tài sản, giao dịch, thanh toán, lưu trữ và các hoạt động chuyên ngành khác thì tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

Dự thảo đồng thời quy định nguyên tắc không thu thập lại dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cho phép kế thừa quy trình, thủ tục chuyên ngành đã đáp ứng yêu cầu phục vụ định danh điện tử, qua đó hạn chế phát sinh quy trình, thủ tục trùng lặp.

Tạo nền tảng nhận diện số tin cậy phòng, chống tội phạm mạng

Thẩm tra về dự án luật, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật; khẳng định việc ban hành Luật nhằm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, chuyển đổi số quốc gia, phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới tư duy lập pháp; luật hóa các quy định đang tồn tại phân tán tại các văn bản dưới luật; bảo đảm tính đồng bộ với các luật chuyên ngành; khắc phục các vướng mắc qua thực tiễn thi hành các nghị định hiện hành; đáp ứng nhu cầu thực tiễn, tạo nền tảng nhận diện số tin cậy, phòng, chống tội phạm mạng, lừa đảo trực tuyến và thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Nội dung dự thảo Luật phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cơ bản bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan và bảo đảm tính khả thi. Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát kỹ quy định về thu thập, lưu trữ, xác thực dữ liệu sinh trắc học để bảo đảm không xâm phạm quyền riêng tư; rà soát với các Hiệp định thương mại tự do về dòng chảy dữ liệu tự do và công nhận danh tính nước ngoài; đánh giá kỹ tính khả thi về hạ tầng công nghệ, tài chính và nguồn nhân lực khi áp dụng định danh đối với các thực thể vật chất và đối tượng phi vật chất.

Hồ sơ dự án Luật được Chính phủ chuẩn bị đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại cơ bản nhất trí với tên gọi, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị bổ sung một điều quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật để phân định rõ ranh giới với các luật chuyên ngành (Luật Căn cước, Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân...).

Về đối tượng định danh điện tử (Điều 7), Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại cơ bản nhất trí với đối tượng định danh điện tử tại Điều 7 và thấy rằng quy định mở rộng đối tượng định danh điện tử sang thực thể vật chất và đối tượng phi vật chất là phù hợp xu thế. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, phạm vi đối tượng định danh điện tử tại Điều 7 quá rộng, nên đề nghị thu hẹp hoặc phân định rõ danh mục bắt buộc và danh mục khuyến khích; cân nhắc tính khả thi khi định danh các đối tượng phi vật chất phức tạp (tệp dữ liệu, ứng dụng, sự kiện, hành vi); đánh giá kỹ nguy cơ lộ lọt thông tin đối với đối tượng định danh thuộc bí mật nhà nước và áp lực lên hạ tầng xử lý dữ liệu lớn.

Về thông tin tạo lập danh tính điện tử (Điều 11, Điều 13), Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại cơ bản nhất trí với quy định tại Điều 11 và Điều 13 dự thảo Luật. Tuy

nhiên, có ý kiến cho rằng việc giao cơ quan chuyên ngành hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ tự quyết định các trường thông tin thu thập dễ dẫn đến lạm dụng, xâm phạm quyền riêng tư. Đề nghị bổ sung quy định khung về các trường thông tin được phép thu thập; giao Chính phủ quy định giới hạn tối đa, ban hành Khung tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc và quán triệt nguyên tắc thu thập tối thiểu, bảo vệ quyền của chủ thể dữ liệu.

Về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp (Điều 45), có ý kiến đề nghị quy định rõ giá trị pháp lý chuyển tiếp của tài khoản VNeID, mã định danh, danh tính điện tử và chữ ký số đã cấp theo quy định hiện hành; xác định lộ trình chuẩn hóa hạ tầng, mã định danh đang vận hành để không làm gián đoạn giao dịch. Về thời điểm có hiệu lực thi hành, có ý kiến đề nghị quy định thời điểm có hiệu lực phù hợp, tạo đủ thời gian cho các chủ thể chuẩn bị hạ tầng, nhân lực thích ứng, tránh tạo khoảng trống hay điểm nghẽn pháp lý.

Tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Kết luận nội dung Phiên họp, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Hồng cho biết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí về sự cần thiết ban hành Luật Định danh và xác thực điện tử nhằm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, chuyển đổi số quốc gia, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới tư duy lập pháp; cụ thể hóa quy định tại Điều 21 Hiến pháp về bảo đảm quyền riêng tư và an toàn thông tin cá nhân; luật hóa các quy định đang tồn tại phân tán tại các văn bản dưới luật; khắc phục các hạn chế, vướng mắc qua thực tiễn thi hành và tháo gỡ điểm nghẽn thể chế để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, góp phần phòng chống lừa đảo trực tuyến và thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ghi nhận và đánh giá cao quá trình chuẩn bị công phu, nghiêm túc hồ sơ dự án luật của Chính phủ, của Bộ Công an, sự chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ của Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại cùng Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong công tác thẩm tra, tham gia thẩm tra sơ bộ, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật trình Quốc hội xem xét cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Hồng đề nghị Chính phủ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ, tập trung rà soát và hoàn thiện các nội dung quan trọng. Cụ thể, tiếp tục rà soát bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật, nghiên cứu bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật để phân định rõ ranh giới với các luật chuyên ngành.

Đồng thời, rà soát, đánh giá kỹ tính khả thi đối với quy định về đối tượng định danh điện tử, bao gồm các thực thể vật chất và đối tượng phi vật chất tại Điều 7; phân định rõ danh mục đối tượng bắt buộc thực hiện phục vụ quản lý nhà nước và danh mục khuyến khích giao dịch tự nguyện.

Rà soát quy định chặt chẽ việc thu thập dữ liệu sinh trắc học (ADN, giọng nói, khuôn mặt) nhằm bảo vệ quyền riêng tư cá nhân và quy định khung trong Luật về các trường hợp thông tin

danh tính điện tử được phép thu thập. Rà soát quy định trong Luật về thẩm quyền, căn cứ, thời hạn tạm dừng, hủy bỏ danh tính điện tử; bổ sung cơ chế xử lý khẩn cấp khi có nguy cơ đe dọa an toàn hệ thống; quy định rõ trách nhiệm pháp lý và cơ chế bồi thường thiệt hại của tổ chức cung cấp dịch vụ khi để xảy ra sự cố lừa đảo, giả mạo sinh trắc học, lộ lọt dữ liệu hoặc sai sót gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân…

Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Hồng đề nghị, sau Phiên họp, Chính phủ chỉ đạo Bộ Công an và các cơ quan có liên quan khẩn trương nghiên cứu tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ để hoàn thiện dự án Luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng; giao Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội tiến hành thẩm tra chính thức dự án Luật để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XVI.

Nguồn: baochinhphu.vn

CẮT GIẢM THỦ TỤC, CHUYỂN MẠNH SANG QUẢN TRỊ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG BẰNG DỮ LIỆU

Sáng ngày 23/9/2026, tiếp tục đợt 2, Phiên họp thứ 6, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động và dự án Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm cơ chế thu hồi và xử lý tài sản liên quan đến tội phạm không qua kết tội.

Nâng cao hiệu lực quản lý an toàn, vệ sinh lao động

Trình bày Tờ trình của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Tiến Hải cho biết, phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động tập trung vào 3 nhóm nội dung cấp bách. Đó là các quy định chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo Nghị quyết số 190/2025/QH15; các quy định về thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP và Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; các quy định có liên quan trực tiếp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Dự án Luật đề xuất cắt giảm một ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; cắt giảm 4 thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; đơn giản hóa thủ tục khai báo máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo hướng chỉ khai báo khi đưa vào sử dụng.

Cùng với đó, luật hóa quy định tại Nghị định 129/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; chuyển nhiệm vụ "tiếp nhận khai báo đối với các vụ tai nạn làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên" từ cơ quan Công an cấp huyện sang Công an cấp xã; chuyển nhiệm vụ "tiếp nhận nội dung thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an

toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động" từ Ủy ban Nhân dân cấp huyện về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh.

Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội Nguyễn Đắc Vinh cho biết, Thường trực Ủy ban cơ bản tán thành với các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật. Đối với quyền, trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động, Thường trực Ủy ban đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi áp dụng quy định "ở những nơi chưa có tổ chức công đoàn," nhất là đối với cơ quan, đơn vị ngoài cơ sở sản xuất, kinh doanh và cơ quan nhà nước. Trong trường hợp áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đề nghị quy định rõ cơ chế đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ nguyên tắc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo kết quả đánh giá rủi ro, phù hợp với vị trí việc làm, bảo đảm người lao động có đủ kiến thức, kỹ năng trước khi làm việc, nhất là người học nghề, tập nghề và thử việc.

Đối với công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, cần đánh giá tác động của việc bãi bỏ điều kiện kinh doanh, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; việc bãi bỏ phải bảo đảm không tạo khoảng trống pháp lý; đồng thời bổ sung nguyên tắc huấn luyện đối với các công việc này và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Ngoài ra, Thường trực Ủy ban Văn hóa và Xã hội đề nghị rà soát cơ chế khai báo, tiếp nhận, xử lý thông tin phù hợp với chức năng của Công an cấp xã, phát huy vai trò tiếp nhận, xử lý trực tiếp các vụ tai nạn chết người, bị thương nặng; xem xét quy định thời hạn khai báo.

Cho ý kiến về nội dung này, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Khắc Định nhấn mạnh, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bỏ điều kiện kinh doanh là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, việc cắt giảm, đơn giản hóa phải gắn với nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước; phải chuyển từ phương thức quản lý hành chính sang quản trị bằng dữ liệu số, xây dựng nền tảng số để quản lý trên cơ sở dữ liệu thay vì nhiều giấy phép, nhiều thủ tục.

Nguồn: vietnamnet.vn

PHÂN CẤP MẠNH CHO ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÔNG THÔN, DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Chiều ngày 22/9/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chủ trì cuộc họp về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực

hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (gọi tắt là Chương trình).

Tích hợp cơ chế, chính sách, bảo đảm nguồn lực thực hiện Chương trình

Theo Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Đức Chi, ngay sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định; lấy ý kiến các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương theo quy định.

Quán triệt yêu cầu tại Nghị quyết số 262/NQ-CP ngày 5/9/2026 của Chính phủ về việc mỗi luật, nghị quyết chỉ ban hành một văn bản quy định chi tiết, dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng tích hợp các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ trong một nghị định, nhằm quy định chi tiết và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 46/2026/QH16.

Việc tích hợp nhằm bảo đảm hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình đầy đủ, đồng bộ, thống nhất; hạn chế phát sinh nhiều văn bản và tạo thuận lợi cho các cơ quan Trung ương, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, sau khi thẩm định, dự thảo Nghị định quy định các nhóm nội dung chủ yếu sau:

Một là mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và các nhiệm vụ của Chương trình sau khi hợp nhất 4 chương trình mục tiêu quốc gia.

Hai là cơ chế, chính sách thực hiện các nhiệm vụ theo từng lĩnh vực và nhóm đối tượng; cơ chế đầu tư xây dựng, hỗ trợ phát triển sản xuất và thực hiện các chính sách hỗ trợ.

Ba là cơ chế huy động, phân bổ, giao, điều chỉnh, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán nguồn lực; nội dung chi, mức chi, mức hỗ trợ và thủ tục hành chính.

Bốn là phân cấp, phân quyền; trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, địa phương; công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo và quản lý cơ sở dữ liệu của Chương trình.

Năm là hiệu lực thi hành; việc thay thế, bãi bỏ hoặc tiếp tục áp dụng các văn bản có liên quan; xử lý chuyển tiếp đối với nhiệm vụ, dự án, dự toán, hợp đồng, tài sản và đối tượng thụ hưởng đã được phê duyệt trước khi Nghị định có hiệu lực, bảo đảm thực hiện Chương trình liên tục và không tạo khoảng trống pháp lý.

Dự thảo đã được rà soát để bảo đảm không làm thay đổi, thu hẹp mục tiêu, phạm vi, đối tượng thụ hưởng, quyền lợi và mức độ ưu tiên; làm rõ cơ chế lập, phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch, dự toán; tỉ lệ đối ứng; nội dung chi, định mức chi, mức hỗ trợ; thanh toán, quyết toán; thẩm quyền xử lý nội dung chưa có mức chi, mức hỗ trợ; giới hạn sử dụng ngân sách Trung ương của Chương trình. Các quy định được rà soát theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và yêu cầu phân cấp gắn với trách nhiệm giải trình.

Bên cạnh đó, tiếp tục kế thừa cơ chế thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân; chỉnh lý tiêu chí xác định dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản, thẩm quyền quyết định đầu tư, lựa chọn nhà thầu, quản lý thi công, thanh

toán, quyết toán, vận hành và bảo trì công trình, bảo đảm thống nhất với pháp luật về xây dựng, đấu thầu và quản lý tài sản công.

Cũng theo Bộ Tài chính, dự thảo đã hoàn thiện 4 cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất; làm rõ đối tượng, điều kiện, hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, cơ quan đánh giá, thẩm quyền phê duyệt, thời hạn xử lý, quản lý tài sản và thu hồi hỗ trợ. Việc tiếp nhận, nộp hồ sơ được rà soát theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; phân biệt rõ thủ tục hành chính với quy trình quản lý nội bộ và quy trình lựa chọn nhà thầu…

Làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các bộ, ngành trong tổ chức thực hiện

Tại cuộc họp, lãnh đạo các bộ đã trao đổi, thảo luận về các nội dung còn ý kiến khác nhau như: Hệ thống chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra; giới hạn sử dụng kinh phí thường xuyên của Chương trình; thẩm quyền quy định một số nội dung; hiệu lực thi hành và xử lý văn bản của các chương trình mục tiêu quốc gia trước khi hợp nhất…

Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Y Vinh Tơr đề nghị giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, trong đó có Bộ Dân tộc và Tôn giáo, hoàn thành các nội dung liên quan đến các nhiệm vụ của Bộ, quy định rõ trách nhiệm trong việc theo dõi, kiểm tra; rà soát lại các nội dung liên quan đến vấn đề kỹ thuật giữa nội dung Nghị định với các phụ lục có liên quan.

Về trách nhiệm của các bộ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Trịnh Thị Thủy thống nhất với ý kiến của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, cho rằng cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn để các bộ có cơ sở triển khai; đồng thời làm rõ trách nhiệm của từng bộ, bảo đảm việc tổ chức thực hiện hiệu quả sau khi Chương trình được ban hành.

Ban hành một nghị định đầy đủ, đồng bộ

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đánh giá cao Bộ Tài chính đã chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, cơ quan xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định trong thời gian ngắn; tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tiếp tục rà soát, chỉnh lý dự thảo.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng thống nhất chủ trương ban hành một nghị định của Chính phủ quy định đầy đủ, đồng bộ các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội.

Về hệ thống chỉ tiêu, Phó Thủ tướng yêu cầu tập trung vào các nội dung cốt lõi, thiết thực, đưa ra những chỉ tiêu, thứ tự ưu tiên: (1) Nước sạch sinh hoạt, (2) nhà ở, (3) đất sản xuất, (4) y tế, (5) giáo dục và đào tạo. Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đề nghị rà soát lại, chỉ đưa ra những chỉ tiêu tổng hợp, đo lường được trên phạm vi cả nước, còn những chỉ tiêu chi tiết khác thì giao cho địa phương tự cụ thể hóa để thực hiện.

Đối với kinh phí thường xuyên, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính và nhấn mạnh nguyên tắc tiết kiệm, dành tối đa nguồn lực cho các khoản chi trực tiếp phục vụ mục tiêu của Chương trình. Theo đó, ngân sách Trung ương của Chương trình không sử dụng để chi tiền lương, phụ cấp, hoạt động thường xuyên của bộ máy, các hoạt động đối ngoại, tham quan, học tập kinh nghiệm, lễ kỷ niệm hoặc những nhiệm vụ đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác.

Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương

Về phân cấp, phân quyền và phân định trách nhiệm, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu tiếp tục rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định theo hướng phân cấp mạnh, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và rõ kết quả đầu ra.

Những nội dung thuộc thẩm quyền của địa phương thì giao địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả; hạn chế tối đa cơ chế phải xin ý kiến các bộ, cơ quan Trung ương đối với từng trường hợp cụ thể.

Các bộ quản lý ngành tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước, xây dựng hoặc hướng dẫn tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, phương pháp chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành; thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh, các bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các lĩnh vực trong Chương trình thuộc Bộ quản lý. Bộ Tài chính tiếp thu toàn bộ các ý kiến tại cuộc họp, khẩn trương rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trình Chính phủ xem xét, ban hành.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM THỊ THANH TRÀ HỌP VỀ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Chiều ngày 22/9/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, chủ trì làm việc với Bộ Nội vụ về xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội.

Việc xây dựng Đề án được triển khai trên cơ sở Văn bản số 3426-CV/VPTW ngày 30/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sơ kết Nghị quyết số 28-NQ/TW về chính sách bảo hiểm xã hội và Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương; Kết luận số 64-KL/TW ngày 01/7/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp; Công văn số 967-CV/ĐU ngày 4/7/2026 của Đảng ủy Chính phủ về triển khai Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ngày 29/8/2026, Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công ban hành Quyết định số 124/QĐ-BCĐCCTLBHXH về Kế hoạch

nghiên cứu, xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội trình Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

Tại buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đánh giá cao Bộ Nội vụ, trực tiếp là Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội cùng nhóm biên tập đã nỗ lực xây dựng đề cương Đề án khá công phu, kỹ lưỡng.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, đây là một đề án khó, trong đó cải cách chính sách tiền lương là vấn đề đặc biệt phức tạp.

Thời gian qua, việc điều chỉnh mức lương cơ sở được triển khai từng bước; cơ chế và tiền lương trong khu vực doanh nghiệp được điều chỉnh khá tốt. Cùng với đó, việc cơ cấu lại, tinh gọn tổ chức bộ máy đã góp phần tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương.

Chính sách tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức cũng từng bước được nghiên cứu, bổ sung, gắn với việc phân loại, đánh giá đội ngũ.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng bộc lộ những bất cập, nhất là về tương quan tiền lương giữa các đối tượng; yêu cầu trả lương theo vị trí việc làm chưa được thực hiện đầy đủ…

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà, dù chưa thực hiện được cải cách tiền lương một cách căn cơ, toàn diện, cách tiếp cận thời gian qua cơ bản phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm thận trọng, từng bước và có cơ sở.

Đối với chính sách bảo hiểm xã hội, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đánh giá đã có những chuyển biến tích cực, song thực tiễn cũng đang đặt ra nhiều vấn đề mới.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà lưu ý chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội có mối liên thông chặt chẽ. Việc xác định mức đóng bảo hiểm xã hội, chế độ nghỉ hưu và quản trị quỹ nếu không được tính toán phù hợp có thể tạo áp lực đối với cân đối quỹ bảo hiểm xã hội. Do đó, Đề án cần hướng tới bảo đảm tính bao trùm, toàn diện, đồng bộ, công bằng và có khả năng thích ứng với những thay đổi của thực tiễn.

Cho ý kiến về Đề án, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà lưu ý làm rõ sự cần thiết và cơ sở xây dựng Đề án trên các phương diện: Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn; đồng thời đánh giá sát kết quả, hạn chế, bất cập sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW và Nghị quyết 28-NQ/TW.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, việc cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội cần được đặt trong bối cảnh mới của đất nước, gắn với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, tổ chức lại bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, những thay đổi của thị trường lao động, cơ cấu việc làm, già hóa dân số và sự xuất hiện của các hình thức việc làm mới.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Đề án, tổ chức hội thảo tham vấn, đồng thời gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, bảo đảm tiến độ và chất lượng, trình Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

Nguồn: baochinhphu.vn

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI, ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang dự thảo Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Theo dự thảo, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được thành lập khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Phục vụ chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Có chức năng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Được cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.

Đơn vị sự nghiệp công lập hình thành sau khi tổ chức lại phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

Số lượng người làm việc và mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau tổ chức lại:

a) Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp thực hiện sáp nhập, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở các mức độ khác nhau thì mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi sáp nhập, hợp nhất được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập, tổ chức lại đơn vị.

Điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

Việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 299/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Đơn vị sự nghiệp công lập bị giải thể phải có nghĩa vụ hoàn thành về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả, các nghĩa vụ khác có liên quan và được xác nhận bằng văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Nguồn: nhandan.vn

BỘ TƯ PHÁP ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GẮN VỚI SỐ HÓA

Trong quý III/2026, Bộ Tư pháp được giao xây dựng 6 văn bản. Đến nay, Bộ đã hoàn thành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền đối với 3 văn bản; trong đó 2 văn bản đã được ban hành. Một văn bản được cho phép lùi thời hạn trình đến tháng 1/2027 và 2 văn bản đang tiếp tục được xây dựng.

Ngoài các đề án trong Chương trình công tác, Bộ được giao chủ trì xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 10 văn bản. Đến nay, 5 văn bản đã được hoàn thành, trình cấp có thẩm quyền; 4 văn bản trong số này đã được thông qua, ban hành.

Cùng với xây dựng pháp luật, công tác thẩm định được chú trọng về chất lượng, nhất là những vấn đề tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. Trong quý III, Bộ Tư pháp đã thẩm định 139 dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Đáng chú ý, Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được duy trì, nâng cấp. Từ ngày 15/6 đến hết ngày 14/9/2026, Hệ thống tiếp nhận 1.134 phản ánh, kiến nghị; đã xử lý 1.008 phản ánh, kiến nghị, đạt khoảng 89%. Qua đó, từng bước trở thành kênh tập trung để phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật và thực tiễn thi hành.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản tiếp tục được triển khai. Trong quý III, Bộ Tư pháp đã kết luận 32 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương.

Cải cách thủ tục hành chính gắn với số hóa và kết nối dữ liệu

Trong cải cách thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp tiếp tục chuẩn hóa, công khai và cập nhật dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Quý III, bộ ban hành 5 quyết định công bố, với 33 thủ tục hành chính được công bố và công khai.

Đáng chú ý, 257/257 thủ tục hành chính thuộc phạm vi được chuẩn hóa danh mục thành phần hồ sơ, kết quả; toàn bộ 257 thủ tục đã được triển khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đạt 100% chỉ tiêu. Trong đó, 237 thủ tục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Đến ngày 14/9/2026, Hệ thống đã tiếp nhận hơn 8,68 triệu hồ sơ, trong đó hơn 8,35 triệu hồ sơ được nộp trực tuyến, chiếm 96,2%. Bình quân mỗi ngày, Hệ thống tiếp nhận hơn 90.000 hồ sơ, tập trung chủ yếu ở lĩnh vực chứng thực và hộ tịch.

Cùng với số hóa thủ tục, Bộ Tư pháp đẩy mạnh kết nối, khai thác và tái sử dụng dữ liệu. Hệ thống hiện đã kết nối với 5 cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành về dân cư, đất đai, đăng

ký doanh nghiệp, bảo hiểm và hộ tịch điện tử, phục vụ tự động điền, xác thực và tái sử dụng thông tin. Bộ cũng đề nghị kết nối thêm dữ liệu về cư trú, bản án, quyết định của Tòa án và ngành giáo dục.

Từ ngày 1/9/2026, Bộ Tư pháp phối hợp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hoàn thành kiểm thử và chính thức triển khai 2 nhóm thủ tục hành chính liên thông về đăng ký khai sinh, khai tử. Đồng thời, dữ liệu giấy tờ công dân tích hợp trên VNeID được khai thác để phục vụ việc miễn, giảm phí thực hiện thủ tục hành chính.

Thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục tham mưu thực hiện tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật, vận hành Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và theo dõi thi hành pháp luật. Trong cải cách thủ tục hành chính, bộ tập trung hoàn thiện thể chế, cắt giảm, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình và giảm yêu cầu cung cấp lại dữ liệu.

Cùng với đó, bộ tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản, đề án, quy định về tổ chức cán bộ, thi đua, khen thưởng phù hợp các chủ trương, quy định mới…

Nguồn: nhandan.vn

NHIỀU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Bộ Xây dựng vừa ban hành Quyết định số 1640/QĐ-BXD về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý, nhằm tối ưu hóa bộ máy quản lý và thực hiện đúng lộ trình kiểm soát thủ tục hành chính của Nhà nước.

Theo đó, danh mục các thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng, bao gồm:

Đối với Thủ tục hành chính cấp Trung ương: Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng tại các cơ quan ở Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Đối với thủ tục hành chính cấp tỉnh: Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương; Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương

Nội dung công bố các thủ tục hành chính tại Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 3/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 694/QĐ-BXD ngày 03/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Hiện Bộ Xây dựng tăng tốc cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa, góp phần tháo gỡ rào cản pháp lý, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Bộ Xây dựng được đánh giá là một trong những bộ, ngành thực hiện tốt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, với tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến ở mức cao.

Cục Giám định kiến nghị bổ sung chức năng này cho phần mềm, đồng thời xem xét phương án bổ sung nhân lực theo chỉ tiêu biên chế được giao.

Thống kê trong 8 tháng năm 2026, Bộ Xây dựng tập trung triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 và những nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ giao, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Đồng thời, tăng cường thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, gắn với các chương trình, hoạt động cụ thể; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

Nguồn: baomoi.vn

CHẤN CHỈNH CHI TRẢ LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI, TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP QUA BƯU ĐIỆN

Bảo hiểm xã hội Việt Nam vừa có công văn yêu cầu Bảo hiểm xã hội các địa phương và Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tăng cường chấn chỉnh, kiểm soát việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp..., khắc phục những vấn đề tồn tại, hạn chế sai sót và nâng cao chất lượng phục vụ người hưởng.

Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, năm 2025, cả nước có 12.449 trường hợp phải thu hồi số tiền hưởng sai do bưu điện báo giảm chậm.

Tính đến tháng 8/2026, cả nước còn 947.989 người hưởng có thông tin chưa khớp với thông tin trên căn cước công dân, chưa cập nhật số căn cước công dân. Đây là những nội dung cần tiếp tục được rà soát, xử lý để nâng cao chất lượng quản lý người hưởng và hạn chế phát sinh chi trả sai.

Tăng cường kiểm soát, chấn chỉnh công tác chi trả

Trước tình hình đó, ngày 22/9/2026, Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành công văn số 3741/BHXH-TCKT về việc chấn chỉnh một số tồn tại trong công tác chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội hằng tháng qua cơ quan bưu điện.

Công văn được ban hành trên cơ sở tổng hợp tình hình thực hiện tại Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố và cơ quan bưu điện, nhằm khắc phục những hạn chế tồn tại trong quá trình tổ chức chi trả, quản lý người hưởng.

Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, một số tồn tại cần tập trung chấn chỉnh gồm: cơ sở vật chất tại một số điểm chi trả chưa bảo đảm theo quy định; việc kiểm soát ủy quyền có nơi chưa chặt chẽ; còn trường hợp chưa lưu đầy đủ chữ ký mẫu, hình ảnh của người hưởng, người được ủy quyền hoặc chưa đối chiếu đầy đủ khi chi trả; nhân viên chi trả còn kết hợp bán hàng, thu nợ, ký nhận thay người hưởng. Công tác rà soát, cập nhật biến động người hưởng ở một số địa bàn chưa kịp thời; việc phối hợp giữa cơ quan Bảo hiểm xã hội và cơ quan bưu điện trong xử lý vướng mắc, kiểm tra, chấn chỉnh, nghiệm thu công việc có nơi chưa thường xuyên, quyết liệt...

Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố chỉ đạo tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc quy trình chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng theo Quyết định số 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025, Quyết định số 313/QĐ-BHXH ngày 27/3/2026 và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo có liên quan.

Đồng thời, tăng cường trao đổi, phối hợp, kiểm soát nội bộ; kiểm tra, giám sát cơ quan bưu điện trong quá trình chi trả và quản lý người hưởng, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay các tồn tại, hạn chế được phát hiện.

Việc thanh toán, quyết toán với cơ quan bưu điện chỉ được thực hiện đối với khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành, bảo đảm đúng quy trình và chất lượng công việc được ủy quyền; các khoản phải thu, phải trả, đã thu, đã trả và còn phải thu, còn phải trả đối với người hưởng và cơ quan bưu điện phải được hạch toán đầy đủ, kịp thời. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm về kết quả tổ chức thực hiện trên địa bàn.

Kiểm soát chặt chi trả bằng tiền mặt và việc nhận thay

Đối với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề nghị quán triệt, triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và có giải pháp nâng cao chất lượng chi trả.

Việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng phải thực hiện đúng Hợp đồng ủy quyền đã ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với chi trả bằng tiền mặt, cơ quan bưu điện phải bảo đảm đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất tại điểm chi trả, niêm yết công khai thủ tục hành chính theo quy định. Khi thực hiện chi trả, nhân viên phải kiểm tra giấy tờ tùy thân, thông tin ủy quyền, đối chiếu hình ảnh và chữ ký của người hưởng, người được ủy quyền; kiểm soát tính hợp lệ của văn bản ủy quyền và không thực hiện chi trả cho người lĩnh thay khi không có văn bản ủy quyền hoặc văn bản đã hết hạn.

Đồng thời, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cũng yêu cầu nhân viên chi trả của cơ quan bưu điện không được ký thay, nhận hộ các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp; trường hợp cố tình vi phạm để xảy ra thất thoát, lãng phí, khiếu kiện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Không được khấu trừ trực tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp của người hưởng để thu hồi khoản vay nợ ngân hàng; không lôi kéo, ép buộc người hưởng sử dụng các dịch vụ khác do cơ quan bưu điện hoặc tổ chức dịch vụ khác cung cấp.

Trường hợp cơ quan bưu điện không thực hiện đầy đủ quy định tại Hợp đồng dẫn đến chi trả sai các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp, cơ quan bưu điện phải bồi hoàn ngay số

tiền chi sai và số tiền lãi phát sinh do chi sai cho cơ quan Bảo hiểm xã hội trong 2 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện; đồng thời hoàn trả chi phí chi trả và quản lý người hưởng đã được cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán trước đó. Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm yêu cầu bồi hoàn đầy đủ, kịp thời và thu hồi chi phí tương ứng theo quy định.

Xác minh thông tin, rà soát chặt người hưởng

Trong công tác quản lý người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, cơ quan bưu điện phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo Điều 9 Hợp đồng ủy quyền số 858/2021/BHXHVN-TCTBĐ; quản lý chặt chẽ thông tin người hưởng, người được ủy quyền; lưu đầy đủ chữ ký cùng thông tin, hình ảnh của người hưởng và người được ủy quyền.

Trước khi hết thời hạn ủy quyền hai tháng, cơ quan bưu điện có trách nhiệm thông báo cho người hưởng, người được ủy quyền và hướng dẫn người hưởng lập văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật kèm theo văn bản đề nghị.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin người hưởng, tập trung vào các nhóm cần tăng cường quản lý như người cao tuổi, người ủy quyền nhận thay trong thời gian dài, người nhận qua tài khoản, người nhiều tháng chưa nhận tiền hoặc không có mặt tại nơi cư trú.

Cơ quan bưu điện cần phối hợp chính quyền xã, phường, tổ trưởng tổ hưu trí, tổ trưởng tổ dân phố, cán bộ tư pháp, các tổ chức đoàn thể và các kênh thông tin tại địa phương để định kỳ nắm bắt, rà soát thông tin người hưởng.

Theo yêu cầu tại Công văn số 3741/BHXH-TCKT, việc kiểm tra trực tiếp tại nơi cư trú phải được thực hiện ít nhất một lần trong năm để nắm bắt thông tin người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hằng tháng theo quy định tại hợp đồng; trong đó lưu ý các trường hợp người hưởng hơn 80 tuổi, người ốm đau, bệnh tật không có khả năng đi lại và người mất năng lực hành vi dân sự.

Đối với người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng định cư ở nước ngoài nhận tiền qua tài khoản cá nhân hoặc ủy quyền cho người khác lĩnh thay, hằng năm hoặc khi xuất hiện nghi ngờ, cơ quan bưu điện có trách nhiệm phối hợp cơ quan chức năng quản lý người hưởng định cư ở nước ngoài để xác minh thông tin.

Cùng với đó, các đơn vị cần đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người hưởng và thân nhân thông báo kịp thời khi có thay đổi liên quan điều kiện hưởng; phối hợp xác định thông tin theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024. Cơ quan bưu điện tích cực phối hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội vận động, khuyến khích người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Nguồn: vietnamnet.vn

NGƯỜI DÂN GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT ĐẤT ĐAI TRÊN VNEID ĐẾN NGÀY 7/10/2026

Bộ Công an cho biết, thực hiện đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 10689/BNNMT-QLĐĐ ngày 17/9/2026, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) triển khai đăng tải toàn văn dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cùng danh mục các vấn đề cần xin ý kiến trên trang thông tin điện tử của VNeID.

Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đồng thời triển khai chức năng "Góp ý dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)" trên ứng dụng VNeID phiên bản di động. Theo lộ trình Bộ Công an công bố, việc xây dựng, hoàn thiện giao diện dự kiến hoàn thành trước ngày 23/9/2026; thời gian lấy ý kiến từ ngày 23/9/2026 đến ngày 7/10/2026.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị thiết lập ba phương án để người dân lựa chọn đối với toàn văn dự thảo và các vấn đề cần xin ý kiến: "Tán thành hoàn toàn", "Tán thành có góp ý" hoặc "Không tán thành". Với hai phương án sau, người dân có thể nhập ý kiến vào trường "Nội dung góp ý" và gửi qua ứng dụng.

Toàn bộ dữ liệu góp ý sẽ được trích xuất, bàn giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo kế hoạch Bộ Công an nêu, việc bàn giao hoàn thành trong ngày 9/10/2026.

Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) được đưa ra lấy ý kiến gồm 13 chương, 115 điều. Danh mục xin ý kiến tập trung vào tám nhóm vấn đề, trong đó có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tài chính đất đai và giá đất.

Các nhóm vấn đề còn lại liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất và chế độ sử dụng đất; cải cách hành chính, chuyển đổi số, phân cấp và phân quyền trong quản lý đất đai; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; công chứng, chứng thực hợp đồng và văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Nguồn: baomoi.com

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI ĐỨNG ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ CHỈ SỐ TIẾP CẬN NGUỒN LỰC

Ngày 22/9/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Công văn số 4843/QĐ-UBND về kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố Hà Nội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 và các năm tiếp theo.

Nhiều chỉ số đạt kết quả tích cực

Theo kết quả PCI năm 2025, Hà Nội ghi nhận kết quả tích cực ở chỉ số tiếp cận nguồn lực với 6,69 điểm, đứng đầu toàn quốc. Kết quả này phản ánh nỗ lực của thành phố trong khơi thông nguồn lực đất đai; tổ chức công khai, minh bạch thông tin quy hoạch sử dụng đất; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất về cơ sở dữ liệu, bản đồ trong hệ thống quy hoạch, gồm quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch thành phố, quy hoạch sử dụng đất tại địa phương và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan. Cùng với đó là việc tạo điều kiện tiếp cận tín dụng và các nguồn lực đầu vào cho cộng đồng doanh nghiệp.

Chỉ số chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đạt 7,77 điểm, cao hơn mức trung vị toàn quốc 0,46 điểm. Cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được gắn với vận hành chính quyền số và khai thác dữ liệu dùng chung. Thành phố đã thực hiện tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tái sử dụng dữ liệu đã số hóa, qua đó giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt 6,00 điểm, cao hơn mức trung vị toàn quốc 0,57 điểm. Kết quả này cho thấy vai trò của chính quyền thành phố đối với khu vực kinh tế tư nhân, nhất là sự chủ động trong kịp thời thể chế hóa và triển khai các chủ trương lớn từ Trung ương.

Trong bối cảnh Hà Nội đẩy mạnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, thành phố đã xây dựng đồng bộ các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các gói hỗ trợ tập trung vào nâng cao năng lực công nghệ, tư vấn pháp lý, đào tạo nhân lực và mở rộng thị trường; thúc đẩy mô hình liên kết "3 nhà" giữa Nhà nước - doanh nghiệp - nhà trường; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và mở rộng hạ tầng dữ liệu số dùng chung để doanh nghiệp khai thác, phục vụ phát triển sản phẩm mới.

Bên cạnh PCI, Báo cáo năm 2025 lần đầu tiên Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) giới thiệu Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (Business Performance Index - BPI). Trong chỉ số BPI thí điểm năm 2025, Hà Nội xếp thứ 2 toàn quốc với 5,41 điểm, sau thành phố Hồ Chí Minh (5,67 điểm) và cao hơn tỉnh Quảng Ninh (5,33 điểm).

Tập trung giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp

Trên cơ sở kết quả PCI và BPI, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu Sở Tài chính tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp theo hướng thân thiện, minh bạch, thuận tiện; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành nghiên cứu, tham mưu các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền thành phố.

Sở Tài chính tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố; tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển, tiếp cận bình đẳng các nguồn lực và cơ hội đầu tư, kinh doanh. Thành phố cũng đặt yêu cầu nâng cao chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài, ưu tiên các dự án chiến lược, công nghệ cao, công nghệ sạch, có khả năng liên kết và lan tỏa tới doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy huy động nguồn lực theo phương thức đối tác công - tư (PPP) trong các lĩnh vực phù hợp quy định.

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố được giao tối ưu hóa việc tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên iHanoi và các nền tảng của thành phố. Các phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền phải được tiếp nhận, chuyển đúng cơ quan, theo dõi tiến độ và trả lời theo quy định. Đồng thời, phối hợp hướng dẫn khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu, thành phần hồ sơ điện tử nhằm giảm tối đa việc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin đã có.

Thuế thành phố Hà Nội và Chi cục Hải quan khu vực I chủ động thông báo trực tiếp đến từng người nộp thuế đủ điều kiện qua ứng dụng eTax Mobile, thư điện tử và các kênh của thành phố; đổi mới hình thức niêm yết, đăng tải để doanh nghiệp tiếp cận nhanh chóng, đầy đủ các chính sách đã ban hành. Đồng thời, xây dựng và triển khai cơ chế "đồng hành" trong thời gian đầu đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

Các cơ quan này cũng được giao rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục tác động trực tiếp đến dòng tiền của doanh nghiệp, trọng tâm là hoàn thuế giá trị gia tăng, miễn, giảm, gia hạn nộp thuế và các thủ tục hành chính liên quan xuất nhập khẩu. Cùng với đó là tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ và đạo đức nghề nghiệp của công chức thuế, hải quan tại các vị trí trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc cho người nộp thuế và thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm, chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ có giá trị gia tăng cao; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, mạng lưới trung tâm R&D gắn với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các trường đại học. Đồng thời, nghiên cứu, tham mưu triển khai các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trên cơ sở quy định của pháp luật và cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền cho phép, ưu tiên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, bán dẫn và các ngành công nghệ chiến lược.

Sở Khoa học và Công nghệ cũng được giao chủ trì thúc đẩy kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; phát triển hạ tầng dữ liệu và nền tảng số dùng chung, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đẩy nhanh xây dựng, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, môi trường thuộc phạm vi quản lý; tăng cường kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của thành phố và quốc gia theo quy định. Kịp thời công khai thông tin về đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thủ tục thuộc phạm vi được phép công khai, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp.

Sở Giáo dục và Đào tạo được giao khuyến khích, hỗ trợ phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, tài chính, y tế và quản trị hiện đại; thúc đẩy đào tạo theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp FDI.

Sở Công Thương chủ trì triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, kết nối cung - cầu; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường trong nước và quốc tế.

Sở Tư pháp tăng cường công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin pháp luật, góp phần cải thiện Chỉ số Thiết chế pháp lý và nâng cao tính an toàn, ổn định, dự báo được của môi trường đầu tư, kinh doanh.

Nguồn: hanoimoi.vn

SƠN LA: NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUA CÔNG TÁC KIỂM TRA

Cải cách hành chính được tỉnh Sơn La xác định là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Vì vậy, kiểm tra cải cách hành chính tập trung vào kết quả, tiến độ giải quyết công việc và việc vận hành quy trình trong thực tế, thay vì chỉ xem xét hồ sơ, văn bản.

Ngày 10/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026, tập trung vào 6 nhóm nhiệm vụ: cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; đồng thời đánh giá việc thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân.

Năm 2026, đoàn kiểm tra tập trung tại 3 sở và 15 xã, phường. Việc kiểm tra kết hợp nghiên cứu hồ sơ, báo cáo với kiểm tra thực tế, làm rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân. Sau kiểm tra, các đơn vị có trách nhiệm khắc phục những hạn chế và báo cáo kết quả; trường hợp cần thiết sẽ được phúc tra, tái kiểm tra. Qua kiểm tra cho thấy, các cơ quan, đơn vị đã chủ động hơn trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Công tác chỉ đạo, điều hành từng bước đi vào nền nếp; nhiệm vụ được phân công cụ thể hơn, gắn với trách nhiệm của người

đứng đầu. Việc vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử có chuyển biến; ở cấp sở, kiểm soát thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, sử dụng chữ ký số và xử lý công việc trên môi trường mạng được quan tâm.

Ông Lại Như Long, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, cho biết: Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị đã có nhiều cố gắng trong tổ chức thực hiện cải cách hành chính, nhất là trong điều kiện bộ máy vừa được sắp xếp, nhiệm vụ phân cấp cho cơ sở tăng lên. Mục tiêu của kiểm tra là giúp đơn vị nhận diện đúng vấn đề, xác định việc cần làm ngay và có giải pháp khắc phục cụ thể. Với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc liên quan đến hạ tầng, phần mềm, nhân lực, đoàn kiểm tra cũng trao đổi với các sở, ngành để cùng tháo gỡ.

Nhận diện hạn chế, chấn chỉnh từ cơ sở

Trong tháng 8 vừa qua, qua kiểm tra công tác cải cách hành chính tại xã Mường Cơi, đoàn kiểm tra ghi nhận sự chủ động của địa phương trong chỉ đạo, điều hành. Xã hoàn thành 30/48 nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2026; từ đầu năm được tỉnh giao 1.310 nhiệm vụ, trong đó 384 nhiệm vụ có thời hạn và đều hoàn thành đúng tiến độ. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tiếp nhận 1.502 hồ sơ, trong đó 1.439 hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ giải quyết đúng hạn khoảng 99,5%. Không phát sinh phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến giải quyết thủ tục hành hcinhs tại Trung tâm.

Tuy nhiên, qua kiểm tra tại xã Mường Cơi vẫn còn một số hạn chế, có hồ sơ chưa xác minh đầy đủ danh tính, việc tiếp nhận thành phần hồ sơ chưa đúng quy định; việc số hóa, tái sử dụng dữ liệu chưa đầy đủ. Một số quy trình về thành lập hội, tổ chức đại hội chưa được đưa đầy đủ lên hệ thống.

Ông Đinh Thế Huyền, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Mường Cơi, cho biết: Những nội dung đoàn kiểm tra chỉ ra giúp Trung tâm nhìn rõ hơn những khâu cần chấn chỉnh. Chúng tôi sẽ tập trung chuẩn hóa quy trình từ tiếp nhận đến trả kết quả, tăng cường kiểm soát hồ sơ trên hệ thống và hướng dẫn cán bộ thực hiện thống nhất, qua đó hạn chế sai sót và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Còn xã vùng cao Tà Xùa đã xây dựng các kế hoạch về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số cải cách hành chính và SIPAS; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Xã tiếp nhận 2.811 hồ sơ, trong đó 2.799 hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến; đã giải quyết 2.780 hồ sơ. Qua kiểm tra, một số hồ sơ đất đai, hộ tịch còn hạn chế trong cập nhật và số hóa; có trường hợp kết quả bản giấy đã trả trước hạn nhưng chưa đồng bộ kịp thời trên hệ thống. Việc công khai thông tin trên trang điện tử chưa đầy đủ; kế hoạch chuyển đổi số ban hành chậm và còn nhiệm vụ chưa phù hợp với thẩm quyền cấp xã. Xã kiến nghị hỗ trợ hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền và thiết bị phục vụ chuyển đổi số.

Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đoàn kiểm tra cũng ghi nhận công tác cải cách hành chính được triển khai đồng bộ. Sở hoàn thành 236/236 nhiệm vụ có thời hạn do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; 162 nhiệm vụ không thời hạn cũng đã hoàn thành. Sở tiếp nhận 150 hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết 148 hồ sơ đúng hạn, không có hồ

sơ quá hạn. Tỷ lệ văn bản ký số, ban hành trên môi trường mạng đạt 99,5%; 32 danh mục dữ liệu thuộc 4 lĩnh vực được xây dựng để đưa vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Đoàn kiểm tra chỉ ra kế hoạch khắc phục tồn tại cải cách hành chính năm 2025 của Sở còn chung chung, chưa xác định rõ thời gian và sản phẩm; công tác tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật chưa thường xuyên. Một số hồ sơ thủ tục hành chính chưa xác minh danh tính, thành phần hồ sơ tiếp nhận chưa bảo đảm quy định. Đoàn đề nghị Sở xác định rõ việc cần làm, đơn vị thực hiện, thời gian hoàn thành; kiểm soát chặt thành phần hồ sơ, không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu và nghiên cứu kết nối dữ liệu chuyên ngành với Kho dữ liệu dùng chung.

Điều đáng ghi nhận là sau kiểm tra, các đơn vị đã xác định những nội dung cần tập trung khắc phục, từ chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, đẩy mạnh số hóa đến tăng cường tự kiểm tra và phối hợp tháo gỡ những vấn đề vượt thẩm quyền. Những yêu cầu này cũng đặt ra cách tiếp cận mới trong công tác cải cách hành chính: Thay vì chỉ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch, cần theo sát chất lượng và kết quả thực tế.

Có thể thấy, công tác kiểm tra cải cách hành chính đã trở thành cơ sở để các cơ quan, đơn vị nhìn lại cách tổ chức công việc, kịp thời điều chỉnh những khâu chưa phù hợp và tiếp tục phát huy cách làm hiệu quả. Khi những kiến nghị sau kiểm tra được thực hiện đến cùng, gắn với trách nhiệm và thời gian cụ thể, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của bộ máy sẽ từng bước được nâng lên.

Nguồn: baosonla.vn

TUYÊN QUANG KHÔNG BỐ TRÍ CÁN BỘ NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC CƠ QUAN TRỌNG YẾU

Sau hơn một năm vận hành, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp ở Tuyên Quang đang hoạt động ổn định, thông suốt và tạo ra những chuyển biến rõ nét và tích cực. Đặc biệt, Tuyên Quang thực hiện nghiêm túc, chủ trương bố trí cán bộ không phải người địa phương và trở thành một trong những tỉnh đầu tiên trong cả nước hoàn thành mục tiêu này ở các cơ quan trọng yếu, cơ mật cấp tỉnh cùng 100% chức danh chủ chốt cấp xã gồm: Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

Tỉnh đã điều động 123 cán bộ, công chức cấp tỉnh về đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý tại cấp xã; điều chuyển 185 cán bộ, công chức từ nơi thừa sang nơi thiếu biên chế cấp xã...

Đánh giá việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang Hầu A Lềnh nhấn mạnh, tỉnh tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc các văn bản của Trung ương và Chính phủ; khẩn trương rà soát, điều chỉnh những bất cập trong tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tập trung nâng chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực tế; đẩy mạnh

phân cấp triệt để đi đôi với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; kiên quyết khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh hoặc lãnh đạo làm thay việc của nhân viên.

Cùng với đó, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số đồng bộ từ tỉnh đến xã; tập trung đầu tư nâng cấp hạ tầng số và trang thiết bị cho các xã vùng sâu, vùng xa; triển khai hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; gắn phát triển kinh tế với an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Hoàn thiện sắp xếp ổn định thôn, tổ dân phố sau sáp nhập; tăng cường kiểm tra, giám sát; giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí...

Theo ông Phan Huy Ngọc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong thời gian tới, tỉnh tập trung thực hiện 8 nhóm giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm như: Hoàn thiện cơ chế vận hành chính quyền 2 cấp; sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và ứng dụng AI; xử lý tài sản công, bảo đảm cơ sở vật chất cho cấp xã; tăng cường kiểm tra, phát huy trách nhiệm người đứng đầu...

Đặc biệt, tỉnh xác định phương châm hành động xuyên suốt trong công tác cán bộ và vận hành chính quyền là "Đúng người - đúng việc - đúng năng lực - đúng địa bàn - đúng thời điểm - đúng kết quả". Mọi giải pháp về nhân sự phải gắn liền với vị trí việc làm, khối lượng công việc và sản phẩm đầu ra. Tuyên Quang xử lý đồng thời 3 nhóm vấn đề cốt lõi gồm: Nơi thiếu - nơi thừa; người làm được - người chưa làm được; người có triển vọng - người không đáp ứng yêu cầu.

Trước mắt từ nay đến cuối năm 2026, tỉnh tiếp tục rà soát, bố trí cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo đúng vị trí việc làm; phấn đấu khoảng 70% cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn được cử đi bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành; khoảng 90% được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo từng lĩnh vực.

Đến hết năm 2028 phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có chuyên môn chưa phù hợp được đào tạo, bồi dưỡng lại phù hợp với vị trí việc làm mới; 100% được cập nhật kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Đến năm 2030, Tuyên Quang sẽ chuẩn hóa và nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ. Bảo đảm cấp tỉnh có đội ngũ tham mưu chiến lược, quản trị ngành chất lượng cao; cấp xã có đội ngũ thực thi công vụ vững chuyên môn, sát dân, gần dân, giải quyết công việc hiệu quả.

Nguồn: baotintuc.vn

LÀO CAI CÔNG BỐ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Sáng ngày 24/9/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DCCI) tỉnh Lào Cai năm 2025.

Phát biểu khai mạc hội nghị, đồng chí Nguyễn Thành Sinh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhấn mạnh: Lào Cai luôn xác định cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng điều hành kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Cùng với cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), DCCI được duy trì nhằm đo lường mức độ hài lòng của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với hoạt động điều hành của các sở, ngành và chính quyền địa phương.

DCCI năm 2025 được thực hiện trong bối cảnh Lào Cai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và tổ chức lại hệ thống sở, ban, ngành. Điểm mới của khảo sát năm nay là chuyển mạnh theo hướng "chẩn đoán", không chỉ dừng ở xếp hạng mà tập trung xác định vấn đề, điểm nghẽn, khoảng trống trong điều hành; đồng thời tăng cường các nội dung về bình đẳng giới, phát triển bao trùm và khảo sát trực tuyến.

Với 1.810 phiếu hợp lệ, đây là cuộc khảo sát DCCI có quy mô lớn nhất từ trước đến nay tại Lào Cai, trong đó, 690 phiếu đánh giá khối sở, ban; 249 phiếu đánh giá khối ngành dọc và 871 phiếu đánh giá khối địa phương. Cơ cấu mẫu khảo sát được mở rộng theo giới, dân tộc, quy mô và lĩnh vực hoạt động, nhằm phản ánh tương đối đầy đủ tiếng nói của các chủ thể kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Kết quả DCCI năm 2025 cho thấy, điểm trung bình khối sở đạt 74,11 điểm; khối ngành dọc 73,58 điểm; khối địa phương 69,13 điểm. Trong 30 xã, phường được khảo sát, 13 địa phương thuộc nhóm khá, 17 địa phương thuộc nhóm trung bình khá và chưa có địa phương đạt nhóm điểm tốt

Năm 2025 là năm đầu tiên đánh giá DCCI sau khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động. Vì vậy, tỉnh Lào Cai chỉ thực hiện xếp hạng đối với khối sở, ban; không xếp hạng khối ngành dọc và xã, phường.

Theo kết quả công bố tại hội nghị, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai đứng thứ nhất trong khối sở, ban; đối với khối xã, phường trong phạm vi khảo sát 30/99 xã, phường: điểm trung bình chung DCCI đạt 69,13 điểm, thuộc nhóm trung bình khá.

Tại hội nghị, Tiến sĩ Lê Duy Bình - Chuyên gia Kinh tế, Giám đốc Economica Việt Nam và Tiến sĩ Nguyễn Phương Bắc - nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đã phân tích kết quả DCCI năm 2025, nhận diện những điểm cần tiếp tục cải thiện trong môi trường đầu tư, kinh doanh; đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng

điều hành, tăng hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, mở rộng không gian và khơi thông nguồn lực phát triển, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng trong giai đoạn mới.

Đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp, hợp tác xã và địa phương cũng đã trao đổi, chia sẻ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, tiếp cận chính sách và triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng hiệu quả phối hợp, tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

Phát biểu bế mạc hội nghị, đồng chí Nguyễn Thành Sinh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành và ủy ban nhân dân các xã, phường cần nhìn nhận khách quan, phân tích kết quả DCCI năm 2025 để rút ra những bài học kinh nghiệm từ các đơn vị có điểm số cao, đồng thời xác định nguyên nhân hạn chế để có giải pháp cụ thể, thực chất hơn; tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp để hoàn thiện các chính sách, thủ tục và môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

Đồng chí yêu cầu cần đề cao vai trò của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong cải thiện chỉ số DCCI, gắn kết quả này với công tác đánh giá cán bộ, thi đua khen thưởng; tiếp thu ý kiến chia sẻ kinh nghiệm từ các chuyên gia để tham vấn cho tỉnh các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tư vấn cho các doanh nghiệp tìm cơ hội đầu tư; tạo động lực, thúc đẩy, động viên các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cùng với đó là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tổ chức phân tích nguyên nhân các chỉ số thành phần còn thấp; xây dựng kế hoạch cải thiện DCCI năm 2026 với giải pháp cụ thể, thời gian rõ ràng và phân công trách nhiệm đến từng bộ phận, cá nhân.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh phối hợp nghiên cứu, hoàn thiện phương pháp luận và mở rộng đối tượng đánh giá DCCI năm 2026; tiếp tục khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đồng thời theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch cải thiện DCCI của các đơn vị; đảm bảo khách quan và công tâm trong đánh giá thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; gắn kết quả thực hiện DCCI với PCI và đánh giá KPI các sở, ngành, địa phương.

Nguồn: baolaocai.vn

THÁI NGUYÊN: TINH GỌN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC, ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ ĐỂ NÂNG CHẤT LƯỢNG

Sau sắp xếp, Thái Nguyên có 424 cơ sở giáo dục công lập, 523 điểm trường lẻ và 578 điểm trường. Quy mô mỗi nhà trường lớn hơn, phạm vi quản lý rộng hơn, đặt ra yêu cầu thay đổi cách tổ chức và điều hành. Với ngành giáo dục, tinh gọn mạng lưới không chỉ là giảm đầu mối mà phải đi cùng đổi mới quản trị, phân bổ lại nguồn lực và bảo đảm chất lượng giáo dục ở từng điểm trường.

Từ sắp xếp mạng lưới đến thay đổi cách quản trị

Năm học 2026 - 2027 là năm đầu tiên ngành giáo dục Thái Nguyên triển khai các nhiệm vụ trong bối cảnh mạng lưới trường học đã được sắp xếp tại 100% xã, phường. Toàn tỉnh hiện có hơn 30.000 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; hơn 98% giáo viên đạt chuẩn đào tạo. Tuy nhiên, một số cấp học, môn học vẫn thiếu giáo viên; cơ sở vật chất ở một số nơi còn thiếu phòng học, phòng bộ môn và công trình phụ trợ. Điều kiện học tập giữa các khu vực cũng còn chênh lệch.

Thực tế này cho thấy, sau khi thu gọn mạng lưới, bài toán tiếp theo không đơn thuần là ổn định tổ chức mà là làm thế nào để các trường vận hành hiệu quả hơn với quy mô mới.

Tại Trường Tiểu học Thần Sa, mô hình quản lý sau sắp xếp thể hiện khá rõ sự thay đổi này. Nhà trường có điểm trường chính, hai điểm trường Trung Thành, Lũng Luông cùng các điểm trường khác. Địa bàn miền núi, dân cư phân tán, hơn 98% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số; khoảng cách từ Trung Thành đến Lũng Luông khoảng 10km đường rừng.

Với một trường có địa bàn như vậy, việc tổ chức quản lý không thể chỉ dựa vào sự hiện diện thường xuyên của ban giám hiệu tại điểm trường chính. Nhà trường phải phân công rõ trách nhiệm, duy trì thông tin liên tục giữa các điểm trường, thống nhất chuyên môn, theo dõi học sinh, rà soát phòng học và thiết bị; giáo viên có thể hỗ trợ linh hoạt giữa các điểm khi cần thiết.

Ở Trường Trung học cơ sở Nha Trang, phường Phan Đình Phùng, bài toán lại nằm ở quy mô. Trường có điểm chính và một điểm trường, với 63 lớp, hơn 2.800 học sinh. Sau sắp xếp, việc điều hành được tổ chức theo hướng phân công một phó hiệu trưởng phụ trách điểm trường, bố trí giáo viên cốt cán, tăng phối hợp chuyên môn, sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin, chia sẻ học liệu số và hồ sơ điện tử.

Như vậy, khi quy mô trường học thay đổi, vai trò của cán bộ quản lý cũng thay đổi theo. Người đứng đầu không chỉ quản lý hoạt động tại một cơ sở mà phải điều phối một hệ thống gồm nhiều điểm trường, nhiều nhóm giáo viên và học sinh, với yêu cầu thống nhất về chuyên môn nhưng vẫn phải phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

Đây cũng là lý do ngành giáo dục Thái Nguyên xác định chuyển từ "quản lý giáo dục" sang "quản trị phát triển giáo dục", tăng quản trị dựa trên dữ liệu, đẩy mạnh cải cách hành chính và giảm giấy tờ không cần thiết.

Không chỉ giảm đầu mối, phải nâng hiệu quả từng điểm trường

Một trong những vấn đề đáng chú ý sau sắp xếp là không phải điểm trường nào cũng có thể đóng hoặc chuyển toàn bộ học sinh về trường chính. Với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, việc duy trì các điểm trường phù hợp vẫn cần thiết để bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của học sinh. Mục tiêu của tỉnh vì vậy là rà soát, củng cố mạng lưới nhưng vẫn duy trì các điểm trường phù hợp với điều kiện địa hình và dân cư .

Tại Trường Mầm non 1/5, phường Tích Lương, sau khi hợp nhất từ Mầm non 1/5, Độc Lập và Hoa Hồng, nhà trường có 32 nhóm, lớp với hơn 700 trẻ và gần 100 cán bộ, giáo viên, nhân viên, cấp dưỡng, bảo vệ. Quy mô lớn hơn khiến những công việc trước đây có thể xử lý ở từng trường nay phải được đưa vào một quy trình chung.

Nhà trường thống nhất cách kiểm soát khẩu phần, thực đơn, số lượng thực phẩm nhập vào, giám sát bếp ăn. Các biểu mẫu, quy trình theo dõi được dùng thống nhất; mã QR được sử dụng để cung cấp thông tin về nguồn thực phẩm, thực đơn và khẩu phần tại các bếp ăn.

Đây là một thay đổi đáng chú ý trong quản trị trường học bởi quy mô càng lớn, càng khó điều hành bằng phương thức thủ công và phụ thuộc vào từng cá nhân. Các quy trình phải được chuẩn hóa, thông tin phải được cập nhật và người quản lý phải có công cụ để kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống.

Tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở 915 Gia Sàng, sau khi các trường được tổ chức lại thành các điểm trường, vấn đề được đặt vào việc tạo sự thống nhất giữa giáo viên, học sinh đến từ những môi trường khác nhau. Nhà trường chú trọng sự công bằng, minh bạch, phối hợp chuyên môn và xây dựng văn hóa chung.

Những trường hợp trên cho thấy sắp xếp mạng lưới chỉ tạo ra một cấu trúc mới. Để cấu trúc đó vận hành hiệu quả, cách quản trị cũng phải thay đổi theo.

Với hơn 400.000 học sinh, nhiệm vụ trong năm học 2026-2027 của ngành giáo dục Thái Nguyên tiếp tục ổn định mạng lưới sau sắp xếp và nâng chất lượng giáo dục. Tỉnh xác định tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên, thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng AI trong dạy học và quản lý, đồng thời bảo đảm cơ hội học tập cho học sinh ở khu vực miền núi, dân tộc thiểu số và địa bàn còn khó khăn.

Nguồn: daibieunhandan.vn

THANH HÓA: TIÊN PHONG LÀM THỦ TỤC KHAI SINH, THƯỜNG TRÚ, BHYT TẠI BỆNH VIỆN

Từ cuối tháng 7/2026, Thanh Hóa là địa phương đầu tiên trong cả nước triển khai mô hình hỗ trợ thực hiện liên thông các thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi ngay tại bệnh viện nơi trẻ được sinh ra. Đây là bước tiến mới trong cải cách hành chính, chuyển đổi số, đưa dịch vụ công đến gần người dân hơn.

Một lần khai báo, nhiều thủ tục được giải quyết

Với mỗi gia đình, khoảnh khắc đón một đứa trẻ chào đời luôn rất đặc biệt. Nhưng ngay sau niềm vui ấy là hàng loạt thủ tục hành chính mà cha mẹ cần hoàn tất: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ.

Trước đây, để hoàn thành các thủ tục này, người dân thường phải chủ động thực hiện từng bước, liên hệ với các cơ quan khác nhau. Từ ngày 21/7/2026, Thanh Hóa đã triển khai một cách làm mới: hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục liên thông ngay tại bệnh viện nơi trẻ được sinh ra. Đây là địa phương đầu tiên trong cả nước triển khai mô hình này.

Thông tin của trẻ được kết nối, chia sẻ giữa các cơ quan có liên quan. Từ dữ liệu khai sinh, hệ thống tiếp tục thực hiện các bước cần thiết để giải quyết đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ. Đặc biệt, bệnh viện trở thành điểm khởi đầu của quy trình này. Ngay sau khi

trẻ chào đời, các thông tin cần thiết được cập nhật, xác thực và chuyển đến hệ thống giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Sau hơn 2 tháng triển khai, các bệnh viện đã hỗ trợ hơn 3.000 trường hợp trên tổng số hơn 4.400 trẻ được sinh ra hoàn tất các thủ tục đăng ký khai sinh, thường trú và thẻ BHYT, đạt khoảng 68,2%.

Khi bệnh viện trở thành "điểm một cửa"

Tại Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa, nơi mỗi ngày tiếp nhận hàng chục sản phụ đến sinh con, việc đưa thủ tục hành chính đến ngay bệnh viện được xem là một bước thay đổi mạnh mẽ trong phương thức phục vụ. Thạc sĩ, bác sĩ Nguyễn Văn Đồng, Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa, cho biết: "Việc triển khai các thủ tục liên thông ngay tại bệnh viện giúp người dân thuận lợi hơn rất nhiều. Ngay trong quá trình làm thủ tục cho sản phụ và trẻ sau sinh, chúng tôi có thể hướng dẫn, hỗ trợ gia đình hoàn thiện các thông tin cần thiết. Đây cũng là một phần trong quá trình cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh".

Không chỉ tại bệnh viện chuyên khoa, mô hình còn được triển khai tại các khoa sản của bệnh viện đa khoa trên địa bàn tỉnh. Việc hỗ trợ người dân hoàn thiện các thủ tục được thực hiện gắn với quy trình tiếp nhận, chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh.

Thầy thuốc Ưu tú, bác sĩ CKI Nguyễn Thị Hà, Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hà Trung, cho biết: "Khi triển khai mô hình này, chúng tôi xác định nhiệm vụ của khoa không chỉ là chăm sóc sức khỏe cho mẹ và bé, mà còn phải phối hợp, hướng dẫn để người dân tiếp cận thuận lợi các thủ tục hành chính liên quan đến trẻ. Những trường hợp đủ điều kiện được hỗ trợ ngay, còn những trường hợp chưa đủ thông tin thì cán bộ giải thích cụ thể để gia đình hoàn thiện. Trong quá trình hỗ trợ, chúng tôi nhận thấy, những trẻ không thể đăng ký các thủ tục hành chính tại bệnh viện là do người mẹ sinh con nhưng chưa đăng ký kết hôn hoặc bị mất giấy đăng ký kết hôn; gia đình chưa thống nhất được việc đặt tên cho trẻ, dẫn tới việc hoàn thiện các thông tin cần thiết cho đăng ký khai sinh, thẻ bảo hiểm y tế, đăng ký thường trú chưa thể thực hiện ngay theo quy trình liên thông. Vì vậy, chúng tôi đang tăng cường truyền thông cho các bà mẹ mang thai hiểu rõ những thông tin cần chuẩn bị, những điều kiện cần đáp ứng để thủ tục được giải quyết thuận lợi khi trẻ chào đời".

Từ bệnh viện, những dữ liệu đầu tiên của một công dân được hình thành và kết nối vào hệ thống quản lý dân cư. Đây cũng là nền tảng để về sau các dịch vụ công khác có thể tiếp tục được thực hiện thuận lợi hơn. Đó không chỉ là sự rút ngắn của một quy trình hành chính, mà còn là dấu ấn rõ nét của một nền hành chính đang từng bước chuyển từ "quản lý" sang "phục vụ", lấy sự thuận tiện và quyền lợi chính đáng của người dân làm thước đo cho hiệu quả cải cách.

Nguồn: baothanhhoa.vn

ĐÀ NẴNG TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 21/9/2026, đoàn công tác của Bộ Nội vụ do Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính Phạm Minh Hùng làm Trưởng đoàn có buổi làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về kết quả công tác cải cách hành chính và tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 trong 9 tháng đầu năm 2026.

Trong 9 tháng đầu năm, công tác cải cách hành chính trên địa bàn Đà Nẵng được triển khai đồng bộ, gắn chặt với yêu cầu vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Thành phố đã hoàn thành 98/137 nhiệm vụ cải cách hành chính; 188/301 nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW được Trung ương giao; không có nhiệm vụ quá hạn.

Đến nay, toàn thành phố tiếp nhận, giải quyết 973.435 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó tỷ lệ tiếp nhận trực tuyến đạt 96,7%. Hiện có 2.303/2.312 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến (đạt 99,61%), bao gồm 1.646 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 657 dịch vụ công trực tuyến một phần.

Theo tiêu chí đánh giá tại Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, Đà Nẵng xếp loại xuất sắc, đứng thứ 8/34 tỉnh, thành phố. Đối với Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR-INDEX), thành phố đạt 91,21 điểm, xếp thứ 12/34 tỉnh, thành phố.

Đáng chú ý, Đà Nẵng là địa phương đầu tiên trong cả nước triển khai Hệ thống khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung ứng dịch vụ công tại địa chỉ: *https://khaosathailong.danang.gov.vn*.

Song song đó, việc vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tiếp tục phát huy hiệu quả; đến nay đã kết nối, tích hợp dữ liệu từ 20 cơ quan, đơn vị, 30 nhóm dịch vụ thông minh, 250 loại số liệu, biểu đồ và 60 loại cảnh báo.

Toàn địa bàn hiện có 94 cơ sở dữ liệu được xác định chia sẻ, dùng chung trong các cơ quan nhà nước; 120 đơn vị đưa dữ liệu vào kho dữ liệu dùng chung với tổng số 5.925 bộ dữ liệu.

Một trong những điểm mới mang lại hiệu quả rõ rệt trong cải cách hành chính tại Đà Nẵng là mô hình "Hành chính công chủ động".

Nếu như trước đây, người dân phải tự tìm hiểu thông tin, theo dõi thời hạn giấy phép, chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục hành chính, thì hiện nay, chính quyền sẽ hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục cần thiết.

Nhiều đơn vị, địa phương trên địa bàn cũng chủ động xây dựng, triển khai các mô hình, sáng kiến thiết thực như: Mô hình hành chính phục vụ "2 hành trình - 1 điểm đến"; "5 không,

3 có"; "Thẻ ưu tiên khi thực hiện thủ tục hành chính"; "Công dân không viết, cán bộ không hẹn"...

Về hạ tầng viễn thông, 99% thôn xóm đã được phủ sóng 4G; mạng 5G phủ gần 1.400 trạm. Mạng diện rộng (WAN) với băng thông tối thiểu 1Gbps đã kết nối đến 270 cơ quan, đơn vị từ cấp thành phố đến cơ sở, phục vụ tối đa hoạt động chính quyền số.

Năm 2026, tổng nguồn kinh phí phân bổ cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Đà Nẵng là 1.479,86 tỷ đồng; hiện đã giải ngân 766,937 tỷ đồng (đạt 51,83%).

Tại buổi làm việc, Đà Nẵng kiến nghị các bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thiện, nâng cấp và vận hành ổn định các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cũng như các hệ thống tập trung của bộ, ngành.

Đồng thời, khẩn trương cấu hình đầy đủ quy trình điện tử, phân quyền xử lý và cập nhật danh sách nhân sự tham gia giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy trình nội bộ đã được phê duyệt; tiếp tục hoàn thiện các chức năng hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Quang Bửu cảm ơn đoàn công tác đã chia sẻ với những kết quả đạt được cũng như các khó khăn, vướng mắc của địa phương. Đồng thời, mong muốn các cơ quan của Bộ Nội vụ tiếp tục quan tâm, hướng dẫn và hỗ trợ thành phố tháo gỡ các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và chuyển đổi số thời gian đến.

Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính Phạm Minh Hùng đánh giá cao sự nghiêm túc của thành phố Đà Nẵng trong công tác cải cách hành chính và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; qua đó mang lại hiệu quả thực chất, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Lãnh đạo Vụ Cải cách hành chính đề nghị lãnh đạo thành phố tiếp tục tăng tốc chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy các cơ quan, đơn vị thực hiện quyết liệt, nhanh chóng hơn các nhiệm vụ được Trung ương giao.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh đổi mới, phát huy hơn nữa vai trò của Ban Chỉ đạo, kiện toàn Tổ công tác, phân công nhiệm vụ theo tinh thần "6 rõ", đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

Trên cơ sở các ý kiến trao đổi của thành viên đoàn công tác, thành phố cần hoàn thiện báo cáo, bổ sung thông tin giải trình đối với các nội dung chưa rõ; làm rõ kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, đặc biệt là các nội dung kiến nghị gửi đến các bộ, ngành.

Về phía đoàn công tác, có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ các đề xuất để báo cáo cấp có thẩm quyền, giúp địa phương sớm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Nguồn: baodanang.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ TỪ CƠ SỞ Ở TỈNH TÂY NINH: LẤY NGƯỜI DÂN LÀM TRUNG TÂM

Tại nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số được triển khai theo hướng thiết thực, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Chuyển đổi số từ cơ sở, lấy người dân làm trung tâm

Tại xã Thạnh Đức tập trung triển khai Chương trình "Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035," hướng đến khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất và bền vững.

Theo ông Nguyễn Thái Bình, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Thạnh Đức, chương trình nhằm phát huy vai trò của dữ liệu dân cư và căn cước công dân như nguồn tài nguyên số nền tảng; phát triển hệ sinh thái định danh số, góp phần thúc đẩy Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Địa phương xác định người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, động lực của chuyển đổi số, qua đó, nâng cao chất lượng phục vụ, tiện ích và hiệu quả tương tác giữa Nhà nước với người dân, doanh nghiệp.

Việc đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử cũng góp phần hình thành công dân số, nâng cao hiệu quả quản trị xã hội hiện đại, bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tại xã Tân Phú, chuyển đổi số được gắn với nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính. Ủy ban Nhân dân xã nâng cấp trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, đồng thời chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, nhất là kỹ năng số hóa hồ sơ và thu thập đầy đủ thông tin ngay khi tiếp nhận.

Hồ sơ người dân nộp tại Trung tâm được cán bộ hướng dẫn tạo tài khoản, số hóa đầu vào và đầu ra, lãnh đạo tham gia phê duyệt theo quy định.

Trung tâm bố trí khu vực để người dân tự tra cứu thủ tục hành chính và nộp hồ sơ trực tuyến, gồm 2 bàn, 1 máy tính kết nối internet và 1 máy có chức năng in, scan, photocopy.

Trung tâm hiện có 6 biên chế chuyên trách, gồm 1 Giám đốc, 1 Phó Giám đốc và 4 chuyên viên. Toàn bộ công chức đã được tập huấn về công nghệ thông tin và quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo mô hình "Một cửa, một cửa liên thông" theo Nghị định 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo Ủy ban Nhân dân xã Tân Phú, từ ngày 15/6/2026 đến 14/9/2026, 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tây Ninh và các hệ thống của bộ, ngành theo mô hình tập trung.

Hồ sơ giải quyết toàn trình đạt 1.042/1.060 hồ sơ, tỷ lệ 98,30%; hồ sơ giải quyết một phần đạt 1.035/1.042 hồ sơ, tỷ lệ 99,33%. Số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. Thanh toán trực tuyến đạt 65,84%.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Tân Phú Nguyễn Thị Kiều Oanh, địa phương đồng thời khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đăng ký sáng kiến cải cách hành chính để áp dụng, nhân rộng.

Đến thời điểm báo cáo, xã đăng ký sáng kiến "Đổi mới công tác phục vụ nhân dân thông qua chuỗi mô hình liên kết: Đến tận nhà hỗ trợ chứng thực chữ ký, Ngày thứ Bảy chia sẻ - Hỗ trợ công dân số và Điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại khu dân cư tại xã Tân Phú."

Những cách làm trên cho thấy chuyển đổi số tại cơ sở đang được gắn với nhu cầu thực tế trong quản lý, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, từng bước đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào thực tiễn.

Tập trung phát triển chính quyền số, kinh tế số

Để tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, Tây Ninh xác định, phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh" là nền tảng. Từ đó, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, khai thác hiệu quả nguồn lực, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Phong trào đã và đang được triển khai sâu rộng, đồng bộ đến các cấp, ngành, địa phương, đặc biệt là cấp xã; nội dung thiết thực, phù hợp chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế, có trọng tâm, tiêu chí đánh giá cụ thể, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và được kiểm tra, giám sát thường xuyên.

Theo Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, tỉnh tập trung phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình. Tỉnh đẩy mạnh xây dựng, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý, điều hành.

Địa phương phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp; hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hình thành sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Tây Ninh đẩy mạnh chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; xây dựng, nhân rộng mô hình nông nghiệp xanh, nông thôn mới thông minh, bền vững.

Tỉnh đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng đổi mới sáng tạo; triển khai phong trào "Bình dân học vụ số," từng bước phổ cập kỹ năng số cơ bản trong cộng đồng. Các nhóm giải pháp tập trung vào hoàn thiện thể chế, cơ chế

thử nghiệm, xây dựng hệ sinh thái dữ liệu và nền tảng số, học tập kinh nghiệm, phát hiện và nhân rộng mô hình hiệu quả; đồng thời đẩy mạnh truyền thông, tôn vinh, biểu dương doanh nghiệp, nhà khoa học, doanh nhân, cá nhân tiêu biểu.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh Phạm Tấn Hòa, các sở, ban, ngành, Ủy ban Nhân dân xã, phường cần rà soát chương trình, kế hoạch đang thực hiện, ưu tiên nguồn lực cho nhiệm vụ có sản phẩm đầu ra cụ thể, khả năng ứng dụng và tác động trực tiếp đến năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, chuyển giao công nghệ , ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ xanh; tăng cường kết nối doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học, chuyển nhu cầu thực tiễn thành các nhiệm vụ khoa học, công nghệ có khả năng ứng dụng, thương mại hóa và nhân rộng.

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được gắn với mục tiêu nâng cao năng suất lao động và tỷ phần đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP; tập trung nguồn lực vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế, đồng thời tăng cường bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, phát triển tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

Đối với chuyển đổi số, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn, tập trung vào thể chế, hạ tầng, dữ liệu, nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, kinh tế số, xã hội số, nhân lực, tài chính và kỷ luật thực thi. Các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động phối hợp nhằm không để phát sinh khoảng trống hoặc chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

Nguồn: vietnamplus.vn

THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN TRONG QUẢN TRỊ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tiếp cận các vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là chủ đề có tính cấp thiết trong khoa học chính trị - pháp lý ở Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021)[1]. Nội dung trọng tâm của bài viết đề cập đến các khía cạnh về yêu cầu thực hiện nguyên tắc pháp quyền trước nhận thức mới về sự vận động, biến đổi trong việc thực hiện chức năng nhà nước; đánh giá kết quả đạt được và phân tích một số giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam. Nội dung nghiên cứu được tiếp cận theo phương pháp luận đa ngành, liên ngành khoa học xã hội và nhân văn, thống kê, khảo sát thực nghiệm, phân tích và bình luận. Kết quả nghiên cứu có giá trị lý luận và có nhiều thông tin để Đảng và Nhà nước có thêm căn cứ xây dựng hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và trước yêu cầu của kỷ nguyên mới.

1. Các yêu cầu về thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam

Thứ nhất, quyền lực chính trị - trong đó có quyền lực nhà nước - được tổ chức và thực hiện trên cơ sở pháp luật, ràng buộc, giới hạn, kiểm soát bởi pháp luật.

Quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị tại địa phương được thực hiện bởi các thiết chế chính trị trong hệ thống chính trị tại địa phương, trong đó trực tiếp và cơ bản nhất là của chính quyền nhà nước ở địa phương. Hiện nay, về cơ bản việc tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị ở nước ta đều được điều chỉnh thống nhất và trực tiếp bởi hệ thống pháp luật mà văn bản tối cao là Hiến pháp. Pháp luật tạo ra khuôn mẫu, khung khổ pháp lý cho giới hạn của quyền lực chính trị, giới hạn và sự kiểm soát đó là tất yếu, bảo đảm cho một chính quyền vận hành hiệu lực, hiệu quả hơn.

Ở phương diện tiếp cận phổ biến, khung khổ pháp lý là tập hợp các quy phạm pháp luật tạo thành chế định, thể chế có tính chất chuyên biệt để điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo đảm sự thống nhất cho sự vận hành của các quan hệ xã hội đó. Xã hội luôn vận động, thay đổi, phát triển theo quy luật tự nhiên của nó - ở một phạm vi không tích cực kết quả của sự vận động đó có thể làm ảnh hưởng đến lợi ích của con người, ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng. Vì thế cần phải có định hướng, xác lập một khung khổ pháp lý. Pháp luật thực chất là biệu hiện của thể chế chính trị, vì thề xác lập các chuẩn mực về pháp lý cũng chính là việc xác lập các chuẩn mực, khuôn mẫu của một thể chế, chế độ chính trị ở một nhà nước. Kinh tế vận động, phát triển theo quy luật khách quan với các quy luật thị trường.

Tuy vậy, để đảm bảo sự ổn định, phù hợp với các yếu tố khác của sự phát triển thì cũng cần tạo ra khung khổ pháp lý cho sự vận động, phát triển của nền kinh tế. Việc thực hiện quyền lực của chính quyền nhà nước có mối quan hệ biện chứng với khung khổ pháp lý, trong

đó mục tiêu cao đẹp của sự phát triển, lợi ích cộng đồng, lợi ích con người là yếu tố quyết định. Sự ràng buộc hay kiểm soát của pháp luật với nhà nước không vì mục đích làm giảm vai trò hay vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, mà đó chính là cơ chế để khẳng định tốt hơn vị thế của nhà nước trong một nền dân chủ, an toàn về mặt pháp lý và nhận được sự đồng thuận của người dân.

Thứ hai, pháp luật được tôn trọng và thực hiện; hiệu lực tối cao của Hiến pháp và luật được bảo đảm, bảo vệ.

Trong nhà nước pháp quyền, thượng tôn pháp luật có nghĩa pháp luật là công cụ, chuẩn mực duy nhất để xác lập trật tự xã hội. Tuy vậy, nguyên tắc pháp quyền đòi hỏi các chủ thể ở chính quyền địa phương cần phải thực sự tôn trọng pháp luật mà trên hết là Hiến pháp năm 2013. Việc thực hiện pháp luật cần được các chủ thể quyền lực tuân thủ, sự dụng, chấp hành và áp dụng một cách tích cực, chủ động vì các mục tiêu tốt đẹp cho cộng đồng.

Các cấp chính quyền địa phương với tư cách là các thiết chế quyền lực có thẩm quyền áp dụng pháp luật, sự dụng pháp luật để duy trì trật tự xã hội, việc áp dụng pháp luật được bảo đảm bởi sức mạnh quyền uy, cưỡng chế với các biện pháp chế tài tương xứng. Vì thế, chính quyền địa phương trong bản chất vốn có của mình cũng luôn tiềm ẩn khả năng lạm quyền, sự tùy tiện trong việc thực thi quyền lực không vì lợi ích quốc gia, dân tộc, ảnh hưởng đến giá trị tất yếu của nền dân chủ. Thực ra nguyên tắc pháp quyền và nguyên tắc pháp trị cũng rất dễ bị lẫn lộn và đánh tráo, thay thế cho nhau. Lúc này, việc thực thi quyền lực của chính quyền địa phương đang mâu thuẫn lại với lợi ích người dân, nền dân chủ có thể bị tổn hại và xâm phạm.

Bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp hay cơ chế bảo hiến được thực hiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương. Các sai phạm trong việc thực thi quyền lực của chính quyền địa phương với chủ trương, chính sách pháp luật mà chính quyền trung xây dựng thực chất là một dạng vi phạm pháp luật, vi phạm đến tính tối cao của Hiến pháp (vi hiến). Lúc này, bản chất của nguyên tắc pháp quyền thực chất không được thực hiện bởi chính quyền địa phương, nguyên tắc tập trung dân chủ cũng bị vi phạm nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải có cơ chế bảo hiến hiệu quả là cơ sở để bảo đảm thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của chính quyền nhà nước ở địa phương.

Thứ ba, bảo đảm an toàn pháp lý và sự bình đẳng của các chủ thể trước pháp luật trong việc thực hiện quyền lực của chính quyền địa phương.

Trong mối quan hệ chính trị - pháp lý giữa Nhà nước và người dân về cơ bản mang bản chất của quan hệ hành chính, quản lý. Chủ thể là các cơ quan nhà nước mang trong mình quyền lực, có khả năng cưỡng chế và được bảo đảm bởi bộ máy vật chất, tiềm lực về tài chính. Vì vậy, hành chính vẫn mang phương thức mệnh lệnh, quyền uy, phục tùng là chủ yếu, đặc biệt là hành chính ở cơ sở được thực hiện bởi chính quyền địa phương. Trong mối quan hệ này, sẽ luôn tiềm ẩm nguy cơ bất bình đẳng, tính những nhiễu, quan liêu của chính quyền trước lợi ích hợp pháp và hợp lý của người dân. Đó là nguy cơ hiện hữu luôn tồn tại ở mọi nền hành chính ở các quốc gia hiện nay.

Xuất phát từ thực tiễn đó, việc bảo đảm tốt hơn nguyên tắc pháp quyền để bảo đảm an toàn pháp lý và sự bình đẳng của các chủ thể trong việc thực hiện chức năng quản lý hành chính ở chính quyền địa phương là một nội dung quan trọng, cấp thiết ở nước ta hiện nay. Bảo đảm an toàn pháp lý có nghĩa là bảo đảm quyền lợi pháp lý cho các chủ thể và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, giá trị điều chỉnh của pháp luật. Trong nhà nước pháp quyền, thượng tôn pháp luật là đặc trưng nhưng phải thực sự hướng đến một nền công lý chuẩn mực. Các chủ thể trong mối quan hệ hành chính giữa chính quyền địa phương với công dân, tổ chức phải bình đẳng trước pháp luật. Nguyên tắc này không có nghĩa là các chủ thể sẽ bình đẳng, có quyền thỏa thuận với nhau như trong quan hệ dân sự. Vì vậy, phương pháp mệnh lệnh - phục tùng được cơ quan nhà nước sự dung để thực thi các hình thức quản lý hành chính vẫn không ảnh hưởng, vẫn giữ nguyên vai trò của nó. Nói như vậy để thấy rằng hành chính với đúng bản chất của nó vẫn luôn tích cực nhưng việc bảo đảm cho các chủ thể bình đẳng trước pháp luật là yêu cầu thường xuyên. Bản chất của nguyên tắc này là các chủ thể được pháp luật đối xử công bằng như nhau trong địa vị tương ứng của mình. Chủ thể nào đã vi phạm pháp luật và các nguyên tắc khác trong quản lý, ảnh hưởng đến lợi ích của cộng đồng, trật tự quản lý xã hội thì phải được xử lý nghiêm minh.

Thứ tư, mọi hành vi vi phạm pháp luật trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương phải được xử lý khách quan, công bằng bởi cơ quan tài phán độc lập và tuân theo thủ tục tố tụng chặt chẽ.

Khi nguyên tắc pháp quyền đã được thực hiện thì tất yếu sẽ đặt ra một vấn đề về phương thức giải quyết tranh chấp hành chính, xung đột xảy ra về việc thực hiện quyền lực công tại chính quyền địa phương. Việc kiểm tra này sẽ giao cho các Tòa án thường hoặc Tòa án hành chính. Những người ủng hộ tài phán hành chính chuyên trách lập luận rằng: bản chất luật công là việc điều chỉnh các mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân và trong đó tồn tại những nguyên tắc pháp lý khác biệt so với những quan hệ pháp luật giữa công dân với nhau do luật tư điều chỉnh. Điều đó cũng ảnh hưởng đến luật về tố tụng, vì vậy càng phải tổ chức Tòa án hành chính độc lập[2].

Ở Việt Nam, các Văn kiện Đại hội Đảng gần đây và trong Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đều đã khẳng định: "*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*". Vì vậy, hiện nay mọi quá trình tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước mà đặc biệt là ở chính quyền địa phương cần phải đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền dân chủ, xã hội chủ nghĩa. Sở dĩ nhà nước pháp quyền trở thành một yêu cầu, nền tảng quan trọng đảm bảo hiệu quả của quá trình thực thi quyền lực nhà nước xuất phát từ những giá trị cốt lõi mà nhà nước pháp quyền mang lại cho xã hội; trong đó đặc biệt đề cao sức mạnh của quyền lực tư pháp.

Tại khoản 3, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *"Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"*. Quy định này mặc dù đã thể hiện bước phát triển rất mới trong nhận thức của Đảng và Nhà nước về cơ chế kiểm soát quyền lực. Tuy vậy, quy

định trên cũng chưa làm rõ nghĩa là có sự "*kiểm soát lẫn nhau*" giữa các nhánh quyền lực hay không. Có lẽ trên thực tế nhận thức cũng chỉ mới dừng lại ở mức độ kiểm soát giữa quyền lập pháp với hai nhánh quyền lực kia. Chính vì vậy, cần thiết phải nhấn mạnh đến một nhận thức đầy đủ, rõ ràng hơn về khả năng kiểm soát của quyền lực tư pháp đối với quyền hành pháp và thậm chí là cả đối với quyền lập pháp. Nếu bản thân quá trình thực hiện chức năng quản lý hành chính của các cấp chính quyền địa phương phát sinh tránh chấp về thẩm quyền và trách nhiệm thì ngoài việc xử lý theo con đường nội bộ hành chính với nguyên tắc tập trung dân chủ thì cũng cần thiết phải đề cập đến vài trò của quyền lực tư pháp có quyền phán quyết để giải quyết trách chấp hành chính này. Lúc này, tài phán hành chính được tiếp cận với phạm vi và mức độ đầy đủ, rõ ràng hơn.

Thứ năm, việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền phải hướng tới mục tiêu bảo đảm, bảo vệ tự do, nhân phẩm, công bằng, công lý, dân chủ và quyền con người, quyền công dân (phát huy các giá trị tối cao của nền dân chủ).

Quyền con người và quyền công dân là một trong những giá trị cốt lõi, là mục đích của Nhà nước pháp quyền, chính vì vậy đảm bảo quyền con người, quyền công dân vừa là một đặc trưng cơ bản, vừa thể hiện bản chất của chế độ pháp quyền, vừa là yêu cầu, điều kiện cần và có của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiện thực hóa quyền con người, quyền công dân.

Có thể nói, những bước phát triển, hoàn thiện về tư duy lập pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta gắn liền với các giá trị bảo đảm quyền con người, quyền công dân về cả phương diện pháp lý và phương diện thực tiễn là một trong những biệu hiện rõ nét nhất cho bản chất dân chủ, nhân quyền của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân không chỉ là nguyên tắc cơ bản được ghi nhận trong Hiến pháp mà còn gắn liền với việc thiết lập các cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản đó trong quá trình xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều 3 Hiến pháp 2013 khẳng định *"Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện."* Nhận thức, cơ sở pháp lý đó đặt ra yêu cầu quan trọng cho chính quyền địa phương cần phải bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của mình.

2. Thực trạng thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam

2.1. Về những biệu hiện chủ yếu trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương ở Việt Nam

Một là, việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền bảo đảm sự ổn định về thể chế chính trị và vị thế của bộ máy chính quyền ở địa phương.

Nhận thức về thể chế chính trị, cấu trúc bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay không tránh khỏi có nhiều quan điểm khác nhau. Nguyên nhân một phần xuất phát từ thực tiễn đời sống

đang vận động, thay đổi rất nhanh, tồn tại xã hội đang là tất yếu. Mặt khác những tác động đa chiều, nhiều góc cạnh, phức tạp của toàn cảnh thế giới, của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và nền kinh tế thị trường tự do… Tuy vậy, cần phải nhận thức đầy đủ rằng: ổn định thể chế chính trị là đích đến cuối cùng của mọi quốc gia trên thế giới. Mặc dù triết lý của Chủ nghĩa Mác đã chỉ ra rằng: kinh tế (đời sống vật chất của xã hội) là yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng, Chính trị là yếu tố của kiến trúc thượng tầng, khi kinh tế thay đổi thì chính trị cũng cần phải biến đổi tương ứng. Nhưng cần phải hiểu rằng sự biến đổi của chính trị hay mọi quá trình xã hội khác hoàn toàn không đồng nhất với sự thay thế, thay đổi mới. Mà sự biến đổi đó phải là kết quả tự thân vận động, chuyển dịch bên trong, sự tự thích ứng trong chính sự tồn tại của nó. Có được điều này là thành công rất lớn của một quốc gia, dân tộc. Thực tiễn đã chứng minh, trong những năm qua, thể chế chính trị ở nước ta được bảo đảm ổn định ngay trong một xã hội mà thể chế kinh tế, đời sống vật chất xã hội đang vận động, phát triển không ngừng. Việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền gắn với sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng ở các địa phương ở nước ta hiện nay đã góp phần quan trọng trong xây dựng, củng cố hoàn thiện hệ thống chính trị tại địa phương, bảo đảm sự ổn định bền vững về chế độ chính trị của Việt Nam trong điều kiện và tình hình mới.

Hai là, thực hiện nguyên tắc pháp quyền là cơ sở để xác định đầy đủ hơn thẩm quyền cho chính quyền địa phương, tạo môi trường, cơ hội tốt hơn cho địa phương phát triển kinh tế, xã hội.

Kết quả đạt được trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền tại chính quyền địa phương gắn liền với sự nghiệp đổi mới kinh tế, xã hội và công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước. Theo cách tiếp cận này, có thể thấy rõ những kết quả của việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền đã tác động thúc đẩy cải cách kinh tế và hành chính trong những năm vừa qua. Việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền đã nâng cao tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền ở địa phương. Tuy mức độ chủ động của mỗi cấp cũng như mỗi đơn vị trong cùng một cấp có khác nhau, nhưng qua những việc được phân cấp rõ ràng về trách nhiệm và thẩm quyền thì cấp nào, đơn vị nào cũng đều thể hiện rõ hơn trách nhiệm của mình trước Nhân dân, dưới sự điều chỉnh thống nhất của hệ thống pháp luật. Chính quyền chủ động hơn trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của địa phương về phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng; ổn định trật tự an toàn xã hội. Có thể nói, pháp quyền đã thực sự góp phần khắc phục được sự tùy tiện, chủ quan, duy ý chí, thiếu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Trong thời gian vừa qua nhiều địa phương đã phát huy và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực tại chỗ cả về vật chất, tinh thần và trí tuệ, tranh thủ nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, để phát triển kinh tế, xã hội, tăng nguồn thu ngân sách trên địa bàn. Nhiều địa phương đã huy động tối đa nguồn vốn theo phương thức "*nhà nước và dân cùng làm*" trong xây dựng kết cấu hạ tầng cho sản xuất cũng như phúc lợi xã hội, tạo cơ sở và tiền đề cho kinh tế, xã hội phát triển. Đó thực sự là kết quả đạt được rất khả quan khi các cấp chính quyền địa phương đã nhận thức, quán triệt thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chủ trương, đường lối, chính sách lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật, các quyết sách của chính quyền trung ương..

Ba là, thực hiện nguyên tắc pháp quyền củng cố tính minh bạch của chính quyền địa phương và trách nhiệm giải trình của chính quyền với Nhân dân.

Trong những điều kiện thích hợp, việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền có tác dụng quan trọng mở rộng sự tham gia của người dân vào các hoạt động chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước. Nguyên tắc pháp quyền tạo cơ sở để có một chính quyền trách nhiệm, công khai minh bạch hơn khi người dân tham gia vào quá trình ra quyết định có thể dễ dàng giám sát và đánh giá việc chính quyền thực thi các quyết định của mình. Đồng thời thực hiện nguyên tắc pháp quyền giúp loại bỏ những trở ngại trong quá trình ra quyết định thường do cách lập kế hoạch của chính quyền địa phương và do cách kiểm soát những hoạt động kinh tế - xã hội quan trọng. Pháp quyền được thực hiện đúng yêu cầu làm giảm bớt các thủ tục hành chính quan liêu, phức tạp và có thể tăng thêm tính linh hoạt, chủ động, sáng tạo của cơ quan hành chính trước những điều kiện và nhu cầu của địa phương.

Điển hình là trong quản lý nhà nước của chính quyền địa phương về ngân sách thời gian vừa qua đã từng bước tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp trong thực hiện nhiệm vụ liên quan đến ngân sách nhà nước. Quan điểm chỉ đạo của Chính phủ khóa XVI là sẽ tiếp tục đẩy mạnh quyền tự chủ tài chính, ngân sách cho chính quyền địa phương, tăng thẩm quyền và gắn với trách nhiệm. Thời gian tới, sẽ có nhiều địa phương cấp tỉnh tự chủ động hoặc được Chính phủ giao trách nhiệm cho việc tự chủ về ngân sách của địa phương minh ở mức độ nhất định. Đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh chủ yếu do chính quyền tỉnh cân đối; qua đó tạo động lực để địa phương chủ động, tích cực thúc đẩy hiệu quả về quá trình hạch toán ngân sách, tăng cường thu hút đầu tư để có thêm nguồn thu địa phương, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo đời sống an sinh cho người dân, chính sách, thể chế pháp luật của Nhà nước đã được thực hiện có hiệu quả tại địa phương.

2.2. Một số hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương ở Việt Nam

Thứ nhất, thiếu hụt cơ sở pháp lý và những điều kiện bảo đảm cho quá trình thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương.

Có thể nhận thấy hệ thống chính sách, thể chế, pháp luật về quản lý hành chính nhà nước hiện nay còn thiếu tính đồng bộ, thiếu hụt và không thực sự khả thi. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chính quyền địa phương luôn có tâm lý chờ đợi có sự hướng dẫn đầy đủ từ văn bản pháp quy của chính quyền cấp trên nên rất dễ dẫn đến một nền hành chính thụ động, quan liêu, máy móc, những nhiễu người dân. Điều đó dẫn đến thực trạng trước những yêu cầu, nguyên vọng của người dân thì chính quyền không kịp thời giải quyết hay giải quyết không thỏa đáng.

Nhận thức của các cấp chính quyền địa phương, của đội ngũ cán bộ, công chức địa phương về bản chất của nguyên tắc pháp quyền chưa đồng bộ, thống nhất, còn mang tính chủ quan, bảo thủ, duy ý chí. Thượng tôn pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thực thi đầy đủ, triệt để có hiệu quả trong đời sống xã hội không có nghĩa là duy nhất pháp luật, hay tâm lý trông chờ văn bản hướng dẫn của trung ương. Vì thế trong nhận thức, phương pháp đó dẫn

đến thực trạng đó vấn đề thiếu văn bản pháp luật trong quá trình thực hiện nguyên tắc pháp quyền ở chính quyền địa phương là không thể tránh khỏi.

Thứ hai, sự chồng chéo, mâu thuẫn trong việc thực thi thẩm quyền của các cấp chính quyền địa phương.

Khi không có thể chế phân cấp đầy đủ, rõ ràng thì tất yếu không tránh khỏi vấn đề chồng chéo, mâu thuẫn trong việc thực thi thẩm quyền của các cấp chính quyền ở Trung ương và địa phương. Mâu thuẫn, chồng chéo đó không chỉ xảy ra ở phương diện chiều dọc (giữa chính quyền trung ương với địa phương) mà còn xảy ra giữa các địa phương với nhau trong việc thực thi thẩm quyền. Thực trạng đó xuất phát từ nguyên nhân cơ bản như: sự phân định không triệt để, không đến cùng, không nhất quán của trung ương; sự thiếu hụt về cơ sở pháp lý, sự thiếu trách nhiệm của chính quyền với lợi ích của người dân. Hệ quả là một bộ máy vận hành thiếu hiệu quả, lợi ích của người dân bị ảnh hưởng. Việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương tồn tại nhiều hạn chế, những định hướng chúng, mục tiêu trong việc thực hiện nguyên tắc này không đạt được kết quả cao nhất. Chúng ta có thể nhận thấy thực trạng này ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay. Đặc biệt là xảy ra trong lĩnh vực kinh tế, quản lý tài nguyên thiên, nguồn lợi vật chất hay cán bộ, công chức...

Thứ ba, thực trạng lạm quyền của chính quyền địa phương khi vi phạm nội dung và yêu cầu của nguyên tắc pháp quyền.

Năng lực hành chính, năng lực kỹ thuật và "đạo đức trách nhiệm" yếu kém ở một số chính quyền địa phương có thể dẫn đến việc cung cấp dịch vụ kém hiệu quả hơn ở một số lĩnh vực. Các trách nhiệm hành chính được chuyển giao cho cấp địa phương mà không kèm theo đủ nguồn tài chính khiến cho việc cung cấp hay phân phối dịch vụ công kém hiệu quả. Phân cấp lúc này còn khiến cho sự phối hợp các chính sách quốc gia trở nên phức tạp hơn và có thể dẫn đến tình trạng cán bộ địa phương lạm quyền, trục lợi.

Về thực trạng lạm quyền, "xé rào" của chính quyền địa phương: một tâm lý đã trở thành bản chất của mọi chủ thể mang quyền là có thật nhiều quyền để khẳng định vị trí, vai trò và sự ảnh hưởng của mình trong xã hội. Điều đó cũng là tất yếu trong bản chất của xã hội hiện đại. Tuy vậy, có quyền nhưng chủ thể đó sẽ sử dụng quyền lực đó vì ai, như thế nào hiện đang là câu hỏi lớn cần đặt ra đối với các cấp chính quyền nhà nước. Thực tế ở nước ta hiện nay, chính quyền địa phương đã được chuyển giao nhiều quyền lực hơn từ trung ương trong các lĩnh vực khác nhau của quản lý hành chính nhà nước. Bên cạnh kết quả tích cực của quá trình phân cấp, chuyển giao quyền lực đó thì ở một số địa phương, chính quyền đang có biểu hiện của sự lạm quyền, "xé rào" vượt qua giới hạn của quyền lực, trong khi trách nhiệm giải trình còn hạn chế.

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các địa phương ngày càng rõ nét như hiện nay, một số địa phương sử dụng các biện pháp đặc thù, linh hoạt nhưng không bảo đảm tính thống nhất, nhất quán trong chủ trương, định hướng của trung ương dẫn đến thực trạng vượt cấp, lạm quyền. Kết quả, có thể nâng cao mức ưu đãi về thuế suất, giá thuê mặt bằng... trong

những điều kiện cần để thu hút thêm đầu tư đi chăng nữa, thì đó vẫn chưa phải là điều kiện đủ cho các nhà đầu tư. Rõ ràng ưu đãi sẽ có sức hấp dẫn nhất định nào đó cho các nhà đầu tư, song nếu đó chỉ ưu đãi chỉ là nhất thời, trong khi cơ hội kinh doanh và những điều kiện cần thiết để biến những cơ hội này thành lợi nhuận (bao gồm môi trường thể chế, sự thân thiện, minh bạch, và đáng tin cậy của các cơ quan công quyền ở địa phương...) mới là những yếu tố quan trọng nhất quyết định sự lựa chọn của nhà đầu tư. Mức độ ổn định chính trị, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, sự quan tâm, kiểm soát của trung ương và sự đồng thuận của người dân sẽ là những lợi thế tốt cho địa phương trong quá trình thu hút đầu tư.

Một điều mà các tỉnh (và đặc biệt là các khu công nghiệp, khu kinh tế mở) thường ít chú ý khi làm chính sách thu hút đầu tư, đó là việc ưu đãi quá mức dễ dẫn tới tình trạng "lựa chọn ngược": không những các tỉnh không thu hút được những nhà đầu tư lớn, có trách nhiệm, mà cuối cùng chỉ mời gọi được các nhà đầu tư kém hiệu quả, nương nhờ vào ưu đãi để tồn tại và kiếm đôi chút lợi nhuận. Đây là những doanh nghiệp mà nếu không có ưu đãi thì khó có thể tồn tại được vì thiếu năng lực cạnh tranh. Lúc đó thì hậu quả của quá trình đầu tư có thể vô cùng lớn, chính quyền địa phương khó có thể khắc phục.

3. Một số giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương ở Việt Nam

3.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương

Vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước, đối với toàn bộ hệ thống chính trị đã trở thành nguyên tắc hiến định ở nước ta. Tính tất yếu, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đã được chính lịch sử cách mạng, lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chứng minh. Trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng càng được chứng minh một cách rõ nét và sinh động hơn. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết cho mọi quá trình cải cách, xây dựng hoàn thiện bộ máy nhà nước ta hiện nay. Nội dung cốt lõi về vấn đề tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng hiện nay là vấn đề đổi mới nhận thức về lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước. Thực tiễn của quá trình phân cấp quản lý nhà nước trong những năm vừa qua đang đặt ra cho Đảng ta một sứ mệnh, trọng trách chính trị đặc biệt quan trọng hơn.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền của chính quyền địa phương có những giá trị chủ yếu sau:

Một là, vai trò lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng sẽ đảm bảo quyền lực nhà nước luôn có sự thống nhất, tập trung cao. Đó là cơ sở để trung ương luôn có khả năng kết nối mạnh mẽ quyền lực với chính quyền địa phương; chính quyền địa phương với thẩm quyền được phân cấp sẽ luôn tự đặt mình trong một thể chế chính trị thống nhất, vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Lúc này, các chủ trương, chính sách, đường lối lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước sẽ trở thành sợi chỉ đỏ tạo dựng một cấu trúc chính quyền thống nhất.

Hai là, vai trò lãnh đạo của Đảng ở mọi cấp chính quyền, trong đó đặc biệt là ở cấp chính quyền cơ sở có ý nghĩa tác động trực tiếp đến hiệu quả của việc thực hiện chức năng, thẩm

quyền của chính quyền địa phương. Qua thực tiễn lãnh đạo của các cấp ủy đảng mà chính quyền địa phương nhận diện được đầy đủ và rõ nét hơn nhiệm vụ, sứ mệnh, mục tiêu, phương thức quản lý, thực thi thẩm quyền được phân cấp. Hơn nữa, thẩm quyền của chính quyền trung ương đã chuyển giao cho địa phương cũng có cơ sở để đảm bảo sự ràng buộc về mặt định hướng, chính trị của Đảng.

Đối với vấn đề Đảng cầm quyền trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có một khía cạnh quan trọng là phân định vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước. Nhiều vấn đề cụ thể xung quanh vấn đề lớn này được đặt ra như: mối tương quan giữa cấu trúc tổ chức các cơ quan Đảng với cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước ở các cấp từ Trung ương đến địa phương; các tiêu chí phân định sự lãnh đạo chính trị của các cấp ủy đảng và quyền tự chủ, độc lập của các cơ quan nhà nước; cơ sở pháp lý xác định quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức đảng trong các hoạt động lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở các cấp; vai trò, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng theo cấu trúc lãnh thổ như tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy cấp xã và của các cấp ủy trong bản thân các cơ quan nhà nước cần phải được xác định một cách đầy đủ, khách quan và rõ ràng hơn.

3.2. Nâng cao năng lực của nền hành chính và bảo đảm gắn kết trách nhiệm của chính quyền để thực thi hiệu quả của nguyên tắc pháp quyền

Từ thực tiễn về năng lực của nền hành chính ở nước ta hiện nay và xuất phát từ yêu cầu của việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền thì việc nâng cao năng lực của nền hành chính là một đòi hỏi cấp bách, có tính quyết định đến kết quả của toàn bộ quá trình thực hiện nguyên tắc pháp quyền, cải cách nền hành chính nói chung ở Việt Nam trong thời gian tới đây. Việc nâng cao năng lực của nền hành chính cần tập trung vào các yếu tố cụ thể của nền hành chính.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế hành chính. Thể chế hành chính là một hệ thống các quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, chủ yếu là xác định địa vị pháp lý, chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước. Phần lớn những quy định này được thể hiện trong các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước và trong các nghị định của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành. Bên cạnh đó, thể chế hành chính hiểu theo nghĩa rộng còn bao hàm trong đó hệ thống thiết chế hành chính nhà nước bao gồm các cơ quan quản lý hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Năng lực tổ chức, hoạt động của thiết chế hành chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của các cấp chính quyền.

Thứ hai, nâng cao chất lượng, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hành chính. Một nền hành chính chuyên nghiệp chỉ có thể hình thành trên cơ sở xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tương ứng mang tính chuyên nghiệp. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hành chính là việc làm cấp bách, phải được thực hiện một cách đồng bộ, có quyết tâm cao và được làm thường xuyên: (1) Phải gắn kết giữa đào tạo với vị trí, yêu cầu việc làm trong cơ quan nhà nước, chính quyền phải có chính sách thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao, được đào tạo đầy đủ. (2) Phải thật sự khách quan, trung thực trong quá trình xét tuyển, thi tuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức trong nền hành chính. (3) Phải tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị cho cán

bộ, công chức, viên chức đang công tác. (4) Cần thiết phải có chế độ đãi ngộ, lương, thưởng phù hợp để khuyến khích, tạo động lực, gắn trách nhiệm với nhiệm vụ công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước…

Thứ ba, đảm bảo về mặt tài chính và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho tổ chức, hoạt động của nền hành chính. Những bảo đảm về mặt tài chính và điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật là yêu cầu tiên quyết để thực hiện đầy đủ có hiệu quả nội dung nguyên tắc pháp quyền. Việc đầu tư về mặt tài chính, trang bị về cơ sở vật chất bảo đảm cho sự vận hành của bộ máy và hoạt động của công vụ, công chức vừa là điều kiện của nền hành chính vừa là tiêu chí để đánh giá một nền hành chính có năng lực. Khi địa phương có đủ thẩm quyền nhưng không có đủ điều kiện để thực hiện thẩm quyền thì các yếu cầu trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền cũng khó trở thành hiện thực.

Vì vậy, ngân sách nhà nước cần phải tính toán thật hợp lý để chi thường xuyên cho hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Nhưng cần phải hiểu rằng, bảo đảm về ngân sách, cơ sở vật chất không hoàn toàn chỉ là việc tăng thêm ngân sách cho các chủ thể thực thi thẩm quyền đó. Điều quan trong ở đây là việc chi tiêu khoản ngân sách đó như thế nào, có hiệu quả không, có thất thoát, lãng phí, tham nhũng không. Vì thế, việc bảo đảm là cần phải chú trọng đến cơ chế kiểm soát, nâng cao trách nhiệm, cơ chế giải trình, lòng tự trọng của bộ máy hành chính nhà nước.

3.3. Tăng cường kiểm soát của chính quyền trung ương đối với địa phương trong việc thực thi quyền hành được giao trên cơ sở pháp luật

Pháp luật hiện hành bên cạnh vai trò thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương thì nội dung điều chỉnh cần đảm bảo được yêu cầu tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, giám sát của chính quyền trung ương đối với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, việc thực thi quyền lực nhà nước là thông suốt, liên tục, nguyên tắc pháp quyền được bảo đảm.

Cần bảo đảm quản lý thống nhất của các cơ quan Trung ương về thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kiểm tra trong việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền. Cần triệt để tuân thủ yêu cầu cấp nào làm tốt hơn và hiệu quả nhất việc nào thì giao cho cấp đó thực hiện. Tinh thần chung, cấp trên chỉ làm những việc mà cấp dưới không thể làm được hoặc nếu làm thì không hiệu quả. Đồng thời khi đã phân công công việc, thì cần phải phân công rõ ràng, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm trong quản lý nhà nước, và phải gắn liền với tăng cường năng lực kiểm tra, giám sát việc thực hiện công vụ của chính quyền địa phương, cơ sở. Pháp luật cần xác lập đầy đủ các biện pháp chế tài cụ thể đối với các cấp chính quyền địa phương thực hiện không đúng, không đủ thẩm quyền, nhiệm vụ mà pháp luật đã quy định. Đặc biệt cần nâng cao trách nhiệm và hiệu quả thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan hành chính; tăng cường hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, cũng như các tổ chức giám sát và kiểm toán độc lập. Pháp luật cần có cơ chế để khuyết khích người dân tham gia vào quản lý, sử dụng công nghệ mới để xác lập một hệ thống giám sát - đánh giá, độc lập của cơ quan

hành chính cấp trên đối với việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan trực thuộc, chính quyền cơ sở.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định trách nhiệm của cơ quan nhà nước cấp trên khi giao nhiệm vụ cho chính quyền địa phương. Theo khoản 3 Điều 112, trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó. Cùng với quy định này, Hiến pháp cho phép cơ quan nhà nước cấp trên trong trường hợp cần thiết có thể giao hoặc chuyển giao hoặc ủy quyền cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ, nhưng cùng với đó phải chuyển giao các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó. Thực ra, yêu cầu ngân sách cấp trên chuyển giao kinh phí cho ngân sách cấp dưới khi ủy quyền thực hiện nhiệm vụ đã được quán triệt trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 như là nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa ngân sách các cấp.

4. Kết luận

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chủ trương, đường lối có tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, xuất phát từ đòi hỏi tất yếu, khách quan của thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước. Trên cơ sở kế thừa những thành tựu cả về nghiên cứu lý luận lẫn thực tiễn triển khai xây dựng Nhà nước pháp quyền đã có, Văn kiện Đại hội lần thứ XII đã có nhiều phát triển mới về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cả trên phương diện hình thức trình bày, cách diễn đạt, cả trên phương diện nội dung các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quan điểm xuyên suốt đó tiếp tục được nhấn mạnh trong nội dung của Văn kiện Đại hội lần thứ XIII và Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân. Trên cơ sở nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, mỗi tổ chức, cá nhân cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc đóng góp công sức, trí tuệ để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đưa nước ta hội nhập sâu rộng, ngày càng phồn vinh, phát triển bền vững.

Thạc sĩ Ngô Thị Hương Thơm - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định rõ hơn nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng

hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

2. Nguyễn Hồng Quang (2005), *Tài phán hành chính một số nước trên thế giới,* Tạp chí Luật học, số 01/2005.

3. Nguyễn Đức Minh, *bài viết trong khuôn khổ Đề tài cấp Nhà nước "Thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo: thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp",* mã số KX.04.06/16-20.

4. Nguyễn Đăng Dung, *Nhà nước pháp quyền là tinh thần pháp luật hay là đúng quy trình*?, Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Luật học, Tập 30, số 1 (2014) từ tr. 54-61.

5. Nguyễn Văn Động (chủ biên), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb CTQGST, H.2017.

6. Đại học Quốc gia Hà Nội, *"Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến"* (sách chuyên khảo), Nxb Lao động - xã hội, H.2012.

7. Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB), *"Việt Nam 2035 hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ",* Hà Nội, năm 2017.

8. Nguyễn Văn Quân, *"Yêu cầu về an toán pháp lý trong nhà nước pháp quyền",* Tạp chí Luật học, số 9/2016.

9. Nguyễn Sĩ Dũng, *Pháp quyền hay pháp trị*, bài viết trên trang điện tử của báo Tia sáng, Ấn phẩm của Báo Khoa học và Phát triển, năm 2006.

10. Nguyễn Sĩ Dũng (2010), *"Các mô hình chính quyền địa phương và sự phân chia chức năng, nhiệm vụ",* Kỷ yếu Hội thảo phân cấp quản lý nhà nước: lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm trên thế giới và Việt Nam, Tam Đảo - 19/8/2010.

11. Nguyễn Minh Đoan (2015), *"Tổ chức bộ máy nhà nước theo Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013",* Nxb Hồng Đức, 2015.

KHÔNG ĐỂ TÂM LÝ SỢ SAI TRỞ THÀNH LỰC CẢN CỦA ĐỔI MỚI

Một đất nước muốn phát triển không thể chỉ cần những người làm đúng quy trình, quy định mà còn cần những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và dám đột phá vào những việc khó, những việc chưa có tiền lệ.

Nhưng muốn có những con người như vậy, bên cạnh cơ chế khuyến khích đổi mới, còn phải có cơ chế đủ sức bảo vệ họ trước những rủi ro có thể phát sinh. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 17/8/2026 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đã mở thêm một cánh cửa quan trọng cho yêu cầu đó.

Có một thực tế đang đặt ra là trong quá trình thúc đẩy đổi mới: Càng yêu cầu cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm thì càng phải chấp nhận rằng không phải mọi quyết định, hành động đều có thể ngay lập tức cho một kết quả hoàn hảo. Nếu mọi rủi ro của đổi mới đều được nhìn nhận đơn thuần bằng kết quả cuối cùng, cứ có thiệt hại hay khi chưa có kết quả cụ thể là quy kết trách nhiệm mà không xem xét đầy đủ động cơ, hoàn cảnh, cách thức ra quyết định và quá trình thực hiện, rất dễ hình thành tâm lý không làm còn hơn làm vì có thể sai. Điều đáng lo không chỉ là cán bộ sai khi làm, mà còn là cán bộ không dám làm vì sợ sai.

Trong thực tế quản lý, những sáng kiến mới thường xuất hiện ở nơi các quy định hiện hành chưa bao quát hết. Người đứng đầu hoặc cán bộ trực tiếp thực hiện phải vận dụng chủ trương, tìm cách tháo gỡ nút thắt, điểm nghẽn, lựa chọn phương án chưa từng được thử nghiệm. Người năng động, sáng tạo thường không bằng lòng với cách làm cũ khi cách làm ấy không còn phù hợp. Họ có thể có tư duy mới lạ, khác số đông, đặt ra những câu hỏi mới và tìm một con đường khác để giải quyết vấn đề.

Sự khác biệt đương nhiên không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với đúng đắn, nhưng nếu từ đó hình thành định kiến, dẫn tới xem nhẹ, hạn chế, thậm chí vô hiệu hóa một con người có năng lực, có những suy nghĩ độc đáo thì tổn thất không chỉ thuộc về cá nhân. Tổ chức mất đi một người có khả năng giải quyết việc khó, bộ máy mất đi một động lực đổi mới và rộng hơn xã hội có thể mất đi một cơ hội phát triển.

Vì vậy, điều quan trọng là phân biệt khuyết điểm cần sửa chữa với năng lực cần phát huy; sai sót cần xử lý với rủi ro của đổi mới; vi phạm vì động cơ cá nhân với hành động xuất phát từ lợi ích chung. Đó là thước đo công bằng đối với người dám nghĩ, dám làm.

Trong quá khứ, đã có những cán bộ, lãnh đạo đơn vị, địa phương khi đứng trước những khó khăn mà cơ chế, chính sách chưa giải quyết được, họ tìm cách vận dụng linh hoạt, thậm chí "xé rào", làm những việc chưa có tiền lệ để tháo gỡ vướng mắc, tạo ra những kết quả tích cực cho đời sống kinh tế-xã hội.

Nhưng cũng có thể xảy ra nghịch lý: Với một quyết định được đưa ra trong hoàn cảnh cấp bách, nhằm tháo gỡ một điểm nghẽn, tạo ra hiệu quả có thể được nhìn nhận như một sáng kiến, nếu sau đó phát sinh hệ quả ngoài dự kiến, đôi khi có thể được nhìn nhận rất khác khi

đặt dưới lăng kính của thanh tra, kiểm tra: những gì "chưa có tiền lệ" nguy cơ có thể bị nhìn thành "không đúng quy định"; sự linh hoạt để giải quyết tình huống rất dễ có thể bị nhìn thành "không tuân thủ quy trình, thủ tục". Đương nhiên, đặt ra tình huống đó không có nghĩa là hạ thấp vai trò của thanh tra, kiểm tra.

Ngược lại, càng khuyến khích đổi mới, sáng tạo càng phải tăng cường kiểm tra, giám sát. Nhưng cũng không nên chỉ dừng ở việc đối chiếu quy trình, thủ tục mà cùng với đó cũng cần có sự thấu hiểu đối với những khó khăn khách quan mà cán bộ, công chức đang phải đối mặt trong quá trình thực thi công vụ, phải làm rõ hoàn cảnh, mục tiêu, động cơ, thẩm quyền, cách thức kiểm soát rủi ro và việc khắc phục hậu quả; quan trọng nhất là phân định cố ý làm trái để trục lợi với rủi ro phát sinh trong đổi mới vì lợi ích chung.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát không chỉ để phát hiện sai phạm mà còn phải phát hiện cái đúng để bảo vệ, cái mới để nhân rộng, những bất cập của cơ chế để kiến nghị sửa đổi. Khi đó, thanh tra, kiểm tra, giám sát mới thật sự trở thành công cụ bảo đảm kỷ luật, kỷ cương và đồng thời tạo không gian cho đổi mới, góp phần tạo niềm tin cho những người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

Quy định số 212-QĐ/TW nhấn mạnh khi xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, ý thức tự phê bình, tiếp thu phê bình và kết quả sửa chữa, khắc phục. Đây là cách tiếp cận có ý nghĩa đối với những trường hợp có yếu tố đổi mới, sáng tạo. Bởi giữa một người cố tình làm sai để vụ lợi và một người dám làm một việc mới vì lợi ích chung nhưng trong quá trình thực hiện có thiếu sót, không thể chỉ căn cứ vào một kết quả giống nhau để đánh giá giống nhau.

Đổi mới, sáng tạo không phải là "tấm giấy miễn trừ" trách nhiệm. Người dám nghĩ, dám làm vẫn phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sáng tạo không đồng nghĩa với tùy tiện; dám đột phá không đồng nghĩa với đứng ngoài kỷ luật; vì lợi ích chung không thể trở thành cái cớ để bỏ qua nguyên tắc. Nhưng ngược lại, kỷ luật khi nhìn nhận vấn đề bằng thái độ khách quan, đa chiều và khoa học cũng không thể trở thành nguy cơ để triệt tiêu sáng tạo.

Một trong những điểm quan trọng của Quy định số 212-QĐ/TW là quy định cụ thể đối với trường hợp tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan, sai. Theo đó, tổ chức đảng đã ra quyết định kỷ luật phải hủy bỏ hoặc thay đổi quyết định cho phù hợp; tổ chức xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Nếu tổ chức đảng không thực hiện thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đã ra quyết định kỷ luật oan, sai; nếu có vi phạm đến mức phải kỷ luật thì xử lý theo quy định.

Đây không chỉ là một quy định về kỹ thuật xử lý kỷ luật mà còn là yêu cầu đối với trách nhiệm của chính cơ quan thực thi quyền lực trong việc bảo đảm công bằng. Một quyết định kỷ luật oan, sai không thể chỉ kết thúc bằng một cuộc họp, một dòng "rút kinh nghiệm" hay sự im lặng. Người bị kỷ luật oan có thể mất cơ hội công tác, mất uy tín, mất niềm tin của đồng nghiệp.

Vì vậy, việc hủy bỏ hoặc thay đổi quyết định kỷ luật, xin lỗi và phục hồi quyền lợi có ý nghĩa rất lớn. Nó khẳng định rằng: Đảng nghiêm minh với vi phạm nhưng cũng nghiêm túc bảo vệ sự thật và công bằng. Một cán bộ thật sự dám nghĩ, dám làm phải chấp nhận rằng mình có thể gặp rủi ro. Nhưng họ cũng cần biết rằng nếu bị kết luận oan, sai, họ có cơ chế để được minh oan, xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm không phải là bảo vệ cán bộ khỏi mọi sai sót. Điều cần bảo vệ là động lực đổi mới và tinh thần chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đất nước đang cần những người dám bước ra khỏi lối mòn để tìm kiếm những cách làm mới. Điều họ cần không phải là một "tấm giấy miễn trừ", mà là một thể chế công bằng. Bởi chỉ khi cán bộ tin rằng làm đúng vì lợi ích chung sẽ được bảo vệ, làm sai vì vụ lợi sẽ bị xử lý và nếu bị oan, sai sẽ được trả lại công bằng, thì tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và dám đột phá mới thật sự có thể trở thành động lực cho phát triển.

Nguồn: nhandan.vn

CÁN BỘ CẤP XÃ TRONG BỘ MÁY MỚI
BÀI 1: ĐẦU MỐI GIẢM XUỐNG, VIỆC XÃ TĂNG LÊN

Sau hơn một năm vận hành chính quyền địa phương hai cấp, thay đổi ở cấp xã không chỉ nằm ở địa giới hay số đầu mối. Nhiều phần việc, thẩm quyền và trách nhiệm được chuyển về cơ sở, đặt cán bộ xã vào một không gian quản trị mới, sức nặng mới của cấp xã đang hiện rõ ngay ở nơi gần dân nhất.

Một vị trí việc làm, năm phần việc thực thi

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, công việc của chị Võ Thị Lệ Hiền, chuyên viên Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị thuộc Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, tỉnh Vĩnh Long, thay đổi gần như hoàn toàn. Trước đây chị phụ trách một lĩnh vực, còn hiện nay phải đảm nhiệm năm lĩnh vực và đều là những phần việc trước đó chị chưa trực tiếp xử lý.

Ngay cả ở lĩnh vực gần với chuyên ngành được đào tạo, thực tế cũng đặt ra không ít điều phải cập nhật lại. Chị Hiền tốt nghiệp ngành Phát triển nông thôn, nhưng khi được giao phụ trách nông thôn mới vẫn bỡ ngỡ trước hệ thống chỉ tiêu, quy trình, biểu mẫu, hồ sơ minh chứng và yêu cầu phối hợp giữa nhiều bộ phận.

Có lúc chị phải rà hồ sơ nông thôn mới, lúc khác xử lý phản ánh của người dân về mùi hôi trong chăn nuôi, rồi lại hướng dẫn chủ thể OCOP hoàn thiện hồ sơ về bao bì, nhãn hàng hóa, truy xuất nguồn gốc và các minh chứng liên quan. Những phần việc khác nhau ấy giờ cùng nằm trên bàn của một chuyên viên cấp xã.

Theo chị Hiền, sau sắp xếp, nhiều cán bộ chuyên môn ở xã phải phụ trách từ ba lĩnh vực trở lên. Khối lượng công việc lớn, thêm các nhiệm vụ phát sinh và yêu cầu báo cáo gấp khiến cán bộ thường xuyên phải làm cả thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngoài giờ hành chính.

Khi tổ chức bộ máy thay đổi, tính chất công việc ở cấp xã cũng thay đổi theo, một phần đáng kể nhiệm vụ trước đây được xử lý qua cấp trung gian nay được đưa về cơ sở.

Tại Cần Thơ, báo cáo sơ kết một năm vận hành chính quyền địa phương hai cấp cho biết Thành phố triển khai phương châm "một người làm nhiều việc", nhưng phải đi cùng với phân công rõ ràng và trách nhiệm cụ thể theo từng vị trí việc làm. Cách bố trí này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong điều kiện khối lượng công việc tăng, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát để tránh quá tải hoặc buông lỏng quản lý.

Từ nhóm công việc của chị Hiền có thể thấy rõ thực tế: Tầng nấc trung gian giảm đi, nhưng công việc không mất đi; thay vào đó, nhiều phần việc đang dịch chuyển xuống nơi trực tiếp tiếp xúc với người dân.

Gần 1.600 nhiệm vụ về cấp xã

Thực tế ở An Giang cho thấy khá rõ quy mô của sự dịch chuyển này. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi không còn cấp huyện và thực hiện mạnh phân cấp, phân quyền, đến thời điểm báo cáo có gần 1.600 nhiệm vụ được giao về cấp xã giải quyết.

Cùng với nhiệm vụ tăng lên, quy mô của một số đơn vị hành chính cấp xã cũng thay đổi rất lớn. Phường Rạch Giá sau sắp xếp có hơn 260.000 dân, tạo áp lực đáng kể đối với các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư pháp, tài chính và giải quyết thủ tục hành chính. Báo cáo của tỉnh cũng chỉ ra tình trạng quá tải, lúng túng ở một bộ phận cán bộ khi địa bàn mở rộng và thẩm quyền tăng lên.

Những con số này cho thấy "việc xã tăng lên" không còn chỉ là cảm nhận của người trực tiếp làm việc ở cơ sở. Khi không còn cấp huyện, nhiều nhiệm vụ trước đây được xử lý qua một tầng nấc trung gian nay phải được tổ chức lại theo một tuyến ngắn hơn, đồng nghĩa với việc cấp xã phải chủ động hơn trong tiếp nhận, tham mưu, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.

Tiến sĩ Nguyễn Thị Tuyết Mai, Học viện Chính trị khu vực IV phân tích, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và tổ chức chính quyền theo mô hình mới không chỉ là điều chỉnh địa giới hay sắp xếp tổ chức bộ máy, mà còn là sự chuyển đổi về phương thức quản trị địa phương. Khi quy mô dân số, diện tích và phạm vi quản lý lớn hơn, yêu cầu điều hành, phối hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cũng cao hơn.

Sự dịch chuyển ấy đồng thời mở ra dư địa để cơ sở chủ động hơn. Báo cáo của thành phố Cần Thơ cho biết, Thành phố giao thêm thẩm quyền cho cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý ngân sách và đầu tư quy mô nhỏ, đồng thời đặt yêu cầu phân cấp phải đi cùng kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm quyền được giao gắn với trách nhiệm.

Bởi vậy, câu chuyện không chỉ nằm ở số lượng nhiệm vụ được chuyển xuống. Khi quyền chủ động lớn hơn thì trách nhiệm cũng trực tiếp hơn; một hồ sơ chậm, một việc đất đai ách tắc hay một thủ tục chưa rõ đều hiện ra ngay ở cấp chính quyền gần dân nhất.

Xã rộng 271 km² và một không gian quản lý khác

Nếu số lượng nhiệm vụ phản ánh sức ép về công việc, thì sự thay đổi về diện tích và quy mô dân cư lại cho thấy một thách thức khác: Không gian mà cán bộ cấp xã phải bao quát đã rộng hơn và phức tạp hơn trước.

Tại Cà Mau, sau sắp xếp, xã Đất Mũi có diện tích tự nhiên 271,39 km², hơn 9 lần diện tích phường Bạc Liêu. Với đặc thù sông nước, ven biển và dân cư phân tán, một đầu mối cấp xã phải bao quát địa bàn rộng như vậy cũng đồng nghĩa với yêu cầu lớn hơn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nắm tình hình và bảo đảm người dân ở xa trung tâm vẫn tiếp cận được dịch vụ công.

Cùng trong tỉnh Cà Mau, nhưng xã Đầm Dơi cho thấy một dạng áp lực khác. Cấp xã mới có diện tích 96,2 km², dân số 38.419 người; khối lượng hồ sơ hành chính trung bình gần 450 hồ sơ mỗi tháng, cao hơn các xã lân cận thuộc địa bàn huyện Đầm Dơi cũ từ 100 đến 200 hồ sơ/tháng.

Diện tích rộng và hồ sơ nhiều tưởng như là hai câu chuyện riêng, nhưng đều gặp nhau ở một điểm: Cấp xã sau sắp xếp không chỉ lớn hơn trên bản đồ hành chính mà còn phải xử lý đồng thời nhiều mối quan hệ kinh tế, xã hội, dân cư và hành chính trong một phạm vi rộng hơn trước.

Thạc sĩ Bùi Thị Kim Trúc, Học viện Chính trị khu vực IV cho rằng, sự thay đổi không gian quản lý sau sáp nhập không chỉ làm thay đổi diện tích, dân số và cơ cấu kinh tế - xã hội, mà còn đặt ra yêu cầu mới đối với hoạt động quản lý nhà nước và điều hành của chính quyền cơ sở. Theo bà, trong một không gian hành chính rộng và đa dạng hơn, cách quản lý chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và sự quen thuộc với địa bàn như trước khó có thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới.

Theo đó, điều quan trọng không phải đi sâu vào việc người cán bộ phải có thêm những năng lực gì, mà là nhận diện một thực tế: Khi địa bàn, nhiệm vụ và trách nhiệm cùng mở rộng, cách vận hành cấp xã không thể giữ nguyên như trước.

Hiệu quả của việc sắp xếp vì thế cũng không thể chỉ nhìn ở số đầu mối đã giảm. Điều người dân cảm nhận rõ hơn cả vẫn là quãng đường đi làm thủ tục có thuận lợi hơn không, hồ sơ có được xử lý đúng hạn không và những vướng mắc phát sinh tại cơ sở có được giải quyết ngay từ nơi gần dân nhất hay không.

Thước đo cuối cùng - Giải quyết việc dân

Tại xã Nguyễn Phích, tỉnh Cà Mau, những con số từ thực tiễn cho thấy một lát cắt khác của bộ máy cấp xã sau sắp xếp.

Theo khảo sát của Thạc sĩ Lê Hoàng Nam, Trung tâm Chính trị xã Nguyễn Phích, trong năm 2025, Trung tâm Hành chính công xã tiếp nhận 4.325 hồ sơ thủ tục hành chính, tỉ lệ giải quyết đúng hạn đạt 98,6%. Chính quyền địa phương đồng thời tổ chức 12 cuộc đối thoại trực tiếp nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Cũng theo kết quả khảo sát được ông Lê Hoàng Nam dẫn lại, mức độ hài lòng của người dân đối với hoạt động của chính quyền địa phương đạt khoảng 96%. Con số này không có nghĩa mọi khó khăn sau sắp xếp đã được giải quyết, nhưng cho thấy một yêu cầu rất cụ thể: Dù tổ chức, địa giới, nhân sự và phương thức vận hành đều thay đổi, công việc của người dân vẫn phải được bảo đảm liên tục và không thể bị gián đoạn.

Thạc sĩ Châu Hồng Nhiên, Trường Chính trị tỉnh Cà Mau cho rằng, cấp xã là nơi người dân tiếp xúc thường xuyên nhất với bộ máy công quyền, vì vậy chất lượng cải cách hành chính, chuyển đổi số hay giải quyết thủ tục không thể chỉ đo bằng văn bản chỉ đạo mà phải được kiểm chứng qua chất lượng phục vụ và sự hài lòng của nhân dân. Theo bà Nhiên, cũng chính từ những việc rất cụ thể hằng ngày ở cấp xã mà niềm tin của người dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố và nâng cao.

Nhìn từ góc độ ấy, việc tinh gọn bộ máy không nhằm để một cấp chính quyền phải gánh thêm công việc một cách cơ học, mà hướng tới một hệ thống gọn hơn, trách nhiệm rõ hơn và quá trình giải quyết công việc đến gần người dân hơn, hiệu quả hơn.

Từ việc một chuyên viên trước đây phụ trách một lĩnh vực thành năm lĩnh vực ở xã Trung Hiệp; gần 1.600 nhiệm vụ được giao về cấp xã ở An Giang; một xã Đất Mũi rộng hơn 271 km² hay hàng nghìn hồ sơ được giải quyết ở Nguyễn Phích là những lát cắt rất khác nhau, nhưng cùng phản ánh một thay đổi: Cấp xã đang mang một trọng lượng mới trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp.

Tinh gọn đầu mối mới là bước đầu. Khi công việc, thẩm quyền và trách nhiệm đã dịch chuyển mạnh về cấp xã, chất lượng của chính quyền hai cấp sẽ ngày càng được kiểm chứng qua chính những cán bộ trực tiếp giải quyết việc dân. Nhưng để "gánh" được vai trò mới ấy, tiêu chuẩn "đủ người, đủ bằng cấp" đã đủ hay chưa? Đó là câu hỏi đặt ra khi nhìn vào năng lực thực thi của cán bộ cấp xã hôm nay.

BÀI 2: CÁN BỘ CẤP XÃ TRONG BỘ MÁY MỚI – TỪ "ĐỦ TIÊU CHUẨN" ĐẾN "LÀM ĐƯỢC VIỆC"

Khi cấp xã trực tiếp xử lý ngày càng nhiều việc của dân, năng lực cán bộ không chỉ nằm ở chỗ nắm đúng quy định, mà còn ở khả năng nắm địa bàn, phối hợp, đối thoại và giải quyết tình huống đến cùng. Trong bộ máy mới, "đủ tiêu chuẩn" là điều kiện cần, nhưng khả năng giải quyết được công việc cụ thể mới cho thấy cán bộ có đáp ứng vai trò ở cơ sở hay không.

Một việc phải nhìn từ nhiều phía

Ở xã vùng biên Tân Hồng (tỉnh Đồng Tháp), Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Minh Ngọc nhìn công việc của cán bộ xã biên giới từ một thực tế khá rõ: Nhiều vụ việc không thể tách thành từng "ô" chuyên môn để xử lý riêng rẽ. Địa bàn rộng hơn, dân cư phân bố không đồng đều; bên cạnh công việc hành chính, xã còn phải cùng lúc quản lý biên giới, dân cư, đất đai và sinh kế của người dân.

Các lĩnh vực đất đai, xây dựng, hộ tịch, an sinh xã hội nay đòi hỏi cấp xã chủ động tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp xử lý ngay từ cơ sở. Với địa bàn biên giới, theo ông Nguyễn Minh Ngọc, một vấn đề còn phải được cân nhắc trong mối liên hệ với đời sống dân cư, yêu cầu bảo đảm an ninh trật tự và sự phối hợp giữa chính quyền với các lực lượng đứng chân trên địa bàn. Người cán bộ vì thế không chỉ cần nắm quy trình nghiệp vụ mà còn phải đánh giá được tác động của quyết định trong nhiều mối quan hệ cùng lúc.

Thạc sĩ Nguyễn Yến Nhi, Học viện Chính trị khu vực IV, cho rằng kỹ năng mềm và kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn không còn là nhóm kỹ năng bổ trợ mà đã trở thành một phần cốt lõi của năng lực lãnh đạo, quản lý cấp xã. Một vấn đề về môi trường, an sinh, trật tự xã hội hay chuyển đổi số thường liên quan nhiều chủ thể; nếu cán bộ thiếu khả năng phối hợp, công việc dễ bị đứt đoạn, chồng chéo hoặc đùn đẩy.

Thực tiễn ở xã Tân Hồng vì thế đặt ra yêu cầu rất cụ thể: Cán bộ cơ sở phải biết khi nào tự xử lý, khi nào cần phối hợp, lúc nào phải huy động lực lượng liên quan và trường hợp nào cần báo cáo cấp có thẩm quyền. Năng lực thực thi không chỉ là "biết quy định", mà còn là chọn đúng cách thực hiện và xử lý vấn đề trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Đúng quy trình vẫn phải hiểu dân

Tại Vĩnh Long, bài toán năng lực hiện ra từ một góc khác. Sau hợp nhất, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 11,03% dân số tỉnh, đồng bào tôn giáo chiếm 33,4%. Sự đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng và tập quán khiến công việc của cán bộ cơ sở không thể chỉ dừng ở việc truyền đạt chủ trương hay giải quyết thủ tục đúng trình tự.

Trao đổi với Báo Điện tử Chính phủ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long Kim Ngọc Thái cho rằng, cán bộ cấp xã cần hội đủ bốn nhóm năng lực: Lắng nghe, đối thoại; hòa giải cộng đồng; hiểu biết văn hóa, tôn giáo, dân tộc; và xử lý những vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Có những tranh chấp đất đai, mâu thuẫn trong khu dân cư nếu chỉ đi hết quy trình hành chính vẫn khó tháo gỡ dứt điểm; cán bộ còn phải biết lắng nghe câu chuyện phía sau mỗi lá đơn, mỗi kiến nghị.

Cùng một quyết định, cách giải thích, cách tiếp cận và mức độ thấu hiểu hoàn cảnh có thể quyết định người dân có đồng thuận hay không. Làm đúng quy trình vẫn là yêu cầu bắt buộc, nhưng người cán bộ cơ sở còn phải làm cho người dân hiểu căn cứ của quyết định, biết giới hạn thẩm quyền và thấy rằng kiến nghị của mình đã được lắng nghe một cách đầy đủ.

Theo ông Kim Ngọc Thái, niềm tin của người dân được tạo nên từ những việc cụ thể: Cán bộ biết hoàn cảnh của hộ khó khăn, gia đình chính sách, có mặt khi người dân cần và tôn trọng phẩm giá của họ ngay cả khi phải từ chối một yêu cầu không đúng quy định. Một số cán bộ xã được dân quý bởi "nói ít, làm nhiều, nói đi đôi với thực hiện".

Thạc sĩ Nguyễn Yến Nhi phân tích rằng kỹ năng mềm không phải là sự "mềm hóa" kỷ cương, mà là điều kiện để kỷ cương được thực thi hiệu quả. Người cán bộ có kỹ năng phải biết lúc nào cần giải thích, lúc nào cần thương lượng, khi nào huy động cộng đồng, khi nào áp dụng biện pháp hành chính. Năng lực xử lý tình huống chính là năng lực lựa chọn đúng phương thức hành động trong bối cảnh cụ thể.

Ở cấp xã, nơi cán bộ và người dân gặp nhau hằng ngày, những năng lực tưởng như "mềm" lại tác động trực tiếp tới kết quả công việc. Một cách giải thích đủ rõ có thể giúp người dân hiểu vì sao hồ sơ chưa thể giải quyết; một cuộc đối thoại đúng lúc có thể tháo gỡ mâu thuẫn, trong khi cách ứng xử thiếu chuẩn mực có thể khiến một việc hành chính bình thường trở nên phức tạp hơn.

Năng lực số không chỉ là biết dùng phần mềm

Một yêu cầu khác đang hiện rõ trong thực tiễn ở Cần Thơ là năng lực làm việc trong môi trường số. Từ khảo sát tại một số xã, phường của thành phố, Thạc sĩ Vũ Thị Bích, Học viện Chính trị khu vực IV, ghi nhận phường Long Mỹ bố trí 3 công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; thành lập 14 tổ công nghệ số cộng đồng với 103 thành viên và đội hỗ trợ phản ứng nhanh gồm 8 thành viên. Địa phương cũng tổ chức chuyên đề về ứng dụng trí tuệ nhân tạo với khoảng 40 cán bộ, công chức tham gia.

Hệ thống dữ liệu, hồ sơ trực tuyến, dịch vụ công và các nền tảng điều hành đang đi thẳng vào công việc hằng ngày của cấp xã, kéo theo yêu cầu người cán bộ phải thích ứng với một cách làm việc khác.

Thạc sĩ Vũ Thị Bích chỉ ra rằng cán bộ cấp xã không chỉ phải biết tiếp nhận, xử lý hồ sơ mà còn cần hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, khai thác phần mềm, quản lý dữ liệu, phối hợp giữa các bộ phận và bảo đảm tiến độ giải quyết công việc. Vì vậy, chất lượng cán bộ không thể chỉ nhìn qua bằng cấp hay thâm niên mà phải nhìn vào khả năng giải quyết công việc cụ thể và kết quả phục vụ người dân.

"Năng lực số" cũng không đồng nghĩa với thao tác thành thạo một phần mềm. Khi dữ liệu ngày càng trở thành một phần của quá trình điều hành, người cán bộ phải biết đọc thông tin, kiểm tra dữ liệu, phối hợp liên thông và sử dụng công nghệ để rút ngắn việc dân chứ không làm phát sinh thêm thủ tục.

Cán bộ cơ sở vì thế phải làm được việc trên cả hai không gian. Ngoài địa bàn thực với những mối quan hệ dân cư, đất đai, an sinh, họ còn phải vận hành trên môi trường số. Nếu chỉ biết công nghệ mà không hiểu dân, chuyển đổi số có thể trở thành thêm một lớp thủ tục; ngược lại, chỉ gần dân mà không theo kịp quy trình số thì cũng khó đáp ứng yêu cầu phục vụ trong bộ máy mới.

Năng lực phải được kiểm chứng bằng kết quả

Từ xã Tân Hồng (Vĩnh Long) và khảo sát thực tiễn ở Cần Thơ cho thấy những lát cắt khác nhau, nhưng cùng gặp nhau ở một câu hỏi: Tiêu chuẩn nào thực sự cho biết một cán bộ cấp xã có đáp ứng được vai trò mới?

Bằng cấp, trình độ chuyên môn và tiêu chuẩn chức danh vẫn là nền tảng cần thiết. Tuy nhiên, thực tế công việc cho thấy những tiêu chí đó chưa phản ánh hết khả năng xử lý một vụ việc có nhiều chủ thể, tạo đồng thuận trong cộng đồng hay vận hành hiệu quả trên môi trường số. Khoảng cách giữa "đủ điều kiện" và "làm được việc" chỉ lộ ra khi cán bộ đứng trước một tình huống cụ thể của dân.

Thạc sĩ Nguyễn Yến Nhi cho rằng năng lực cán bộ cơ sở phải được nhìn từ khả năng giải quyết vấn đề, tạo đồng thuận và dẫn dắt hành động chứ không chỉ từ hiểu biết quy trình, văn bản hay kinh nghiệm hành chính. Từ thực tiễn Cần Thơ, Thạc sĩ Vũ Thị Bích cũng cho rằng chất lượng cán bộ cần được đánh giá không chỉ bằng bằng cấp hay thâm niên mà bằng khả năng giải quyết công việc cụ thể và mức độ hài lòng của người dân.

Đặt trong câu chuyện công tác cán bộ, đây là một thay đổi đáng chú ý. Mô hình mới buộc phải đặt thêm câu hỏi về năng lực thực thi: Cán bộ có xử lý được một vấn đề liên ngành hay không; có đối thoại, thuyết phục và tạo đồng thuận được không; có sử dụng dữ liệu và công nghệ để phục vụ dân tốt hơn không; có đủ khả năng phản ứng trước những tình huống chưa có sẵn "mẫu" để làm theo hay không.

Những câu hỏi ấy không hạ thấp giá trị của tiêu chuẩn. Ngược lại, chúng đòi hỏi tiêu chuẩn phải được kiểm chứng bằng kết quả công việc. Một cán bộ có thể đúng chuyên ngành, đúng vị trí, đúng quy trình, nhưng hiệu quả cuối cùng vẫn nằm ở việc họ có giải quyết được vấn đề của người dân, giữ được sự phối hợp trong bộ máy và tạo được niềm tin ở cơ sở hay không.

Khi yêu cầu đối với cán bộ cấp xã đã dịch chuyển từ "biết" sang "làm được", bài toán tiếp theo cũng trở nên rõ hơn. Không thể chỉ kỳ vọng người cán bộ tự thích ứng bằng kinh nghiệm cá nhân; cách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và đánh giá họ cũng phải thay đổi tương ứng. Làm thế nào để việc học không dừng ở kiến thức, mà thực sự tạo ra năng lực thực thi trong công việc ở cơ sở?

Nguồn: baochinhphu.vn

CHÍNH PHỦ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC SỞ HỮU TRÍ TUỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 22/9/2026 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 17/6/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Theo đó, nhiệm vụ ưu tiên triển khai Kế hoạch hành động gồm:

Quán triệt, nâng cao nhận thức về vai trò chiến lược của sở hữu trí tuệ, xây dựng văn hóa tôn trọng sáng tạo:

Tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Nghị quyết và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ; nghiên cứu, xây dựng lộ trình lồng ghép nội dung về sở hữu trí tuệ vào chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; tăng cường kiểm soát tình trạng sao chép, đạo văn trong học thuật trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là cơ sở giáo dục đại học; xây dựng và triển khai Chương trình nâng cao năng lực sở hữu trí tuệ trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học...

Hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ hiện đại, đồng bộ:

Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản pháp luật có liên quan; rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm đối với quyền sở hữu trí tuệ nhằm tạo thuận lợi cho việc huy động vốn, đầu tư, góp vốn và phát triển doanh nghiệp trên cơ sở được bảo đảm bằng quyền sở hữu trí tuệ; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục tố tụng rút gọn hoặc thủ tục đặc thù cho các vụ việc liên quan đến sở hữu trí tuệ, nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự...

Thúc đẩy sự phát triển đồng bộ của hệ sinh thái sở hữu trí tuệ, trong đó chú trọng phát triển thị trường quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp:

Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình quốc gia về phát triển sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao năng lực sở hữu trí tuệ quốc gia; rà soát cơ chế định giá quyền sở hữu trí tuệ, đề xuất các giải pháp để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ...

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là trên môi trường số:

Ứng dụng công nghệ có chức năng giám sát, tự động phát hiện và cảnh báo sớm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo

quy định của pháp luật; nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế tài phán chuyên sâu về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả trong giải quyết các tranh chấp...

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ:

Xây dựng Đề án kiện toàn mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ theo hướng tập trung, thống nhất hiệu lực, hiệu quả và hiện đại; xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; đầu tư hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về sở hữu trí tuệ...

Bảo đảm an ninh quốc gia về công nghệ, dữ liệu và bí mật kinh doanh:

Triển khai việc kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn việc chuyển giao công nghệ trái phép ra nước ngoài; nâng cao vai trò công tác kiểm soát rủi ro trong sở hữu trí tuệ; thực hiện kiểm soát, cảnh báo và kịp thời phát hiện các đối tượng có dấu hiệu gian lận về sở hữu trí tuệ xuyên biên giới.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, có chọn lọc về sở hữu trí tuệ:

Để đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, có chọn lọc về sở hữu trí tuệ, các bộ, cơ quan liên quan và địa phương xây dựng đề án hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Nguồn: baochinhphu.vn

THU THẬP DỮ LIỆU LÀM LỘ THÔNG TIN NHẠY CẢM CÓ THỂ BỊ PHẠT ĐẾN 60 TRIỆU ĐỒNG

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng thay mặt Chính phủ ký Nghị định số 363/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu. Theo đó, hành vi thu thập, tạo lập dữ liệu làm rò rỉ thông tin nhạy cảm, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc an ninh quốc gia sẽ bị phạt từ 40-60 triệu đồng.

Nghị định 363/2026/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu.

Nghị định này không điều chỉnh các hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu tại Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã;

c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Đầu tư;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính. Người đại diện của hộ kinh doanh, chủ hộ của hộ gia đình, người đứng đầu của cộng đồng dân cư chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực dữ liệu theo quy định tại Nghị định này.

5. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hình thức xử phạt

Hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực dữ liệu bao gồm: Cảnh cáo; phạt tiền.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn bị áp dụng các hình thức xử phạt như: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; đình chỉ hoạt động cung cấp, xử lý, kết nối dữ liệu có thời hạn; đình chỉ hoạt động quản trị, vận hành cơ sở/sàn dữ liệu có thời hạn, hoạt động tham gia chương trình, dự án do Quỹ phát triển dữ liệu hỗ trợ có thời hạn; trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính…

Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu đối với cá nhân là 100 triệu đồng.

Phạt đến 60 triệu đồng đối với hành vi giả mạo, làm hư hỏng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu Nhà nước

Điều 7 của Nghị định quy định xử lý đối với các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực dữ liệu như sau:

1. Phạt tiền từ 40-60 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Giả mạo, cố ý làm sai lệch, làm mất, làm hư hỏng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cố ý cung cấp dữ liệu sai lệch hoặc không cung cấp dữ liệu theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan, người có thẩm quyền; trừ trường hợp quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 60-80 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tấn công, chiếm đoạt, phá hoại cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý, xử lý, quản trị, bảo vệ dữ liệu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục dữ liệu, cơ sở dữ liệu hoặc tình trạng ban đầu của dữ liệu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc áp dụng biện pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc thông báo về sự cố dữ liệu, hậu quả xảy ra và kết quả khắc phục đến chủ thể dữ liệu và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ ứng dụng, phần mềm được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Phạt đến 40 triệu đồng đối với hành vi thu thập, tạo lập dữ liệu không được chủ sở hữu cho phép

Đối với các hành vi vi phạm quy định về thu thập, tạo lập dữ liệu, Điều 8 Nghị định quy định mức xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 20-40 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Thu thập, tạo lập dữ liệu mà không được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu hoặc chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật;

b) Không ban hành quy trình thu thập, tạo lập dữ liệu hoặc không thực hiện việc đánh giá, áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu trước khi tiến hành thu thập, tạo lập dữ liệu;

c) Không thực hiện việc kiểm tra tính xác thực, bảo đảm chất lượng dữ liệu trong quá trình thu thập, tạo lập dữ liệu.

2. Phạt tiền từ 40-60 triệu đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cố ý thu thập, tạo lập dữ liệu không đúng với dữ liệu gốc;

b) Cố ý thu thập, tạo lập dữ liệu giả mạo;

c) Thu thập, tạo lập dữ liệu vượt quá phạm vi, mục đích đã thông báo;

d) Hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này mà dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng quốc gia;

đ) Hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này làm rò rỉ thông tin nhạy cảm, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc an ninh quốc gia.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc ban hành quy trình thu thập, tạo lập dữ liệu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc xóa, tiêu hủy dữ liệu đã được thu thập, tạo lập trái quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này;

c) Buộc đính chính, hiệu chỉnh, cập nhật dữ liệu được tạo lập sai lệch, giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc áp dụng biện pháp bảo vệ dữ liệu, an toàn dữ liệu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/11/2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

XÂY DỰNG "NGÀY VĂN HÓA VIỆT NAM - 24/11" TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU VĂN HÓA QUỐC GIA

Văn phòng Chính phủ có văn bản số 9636/VPCP-KGVX ngày 22/9/2026 truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà về công tác triển khai Kế hoạch tổ chức "Ngày Văn hóa Việt Nam".

Văn bản nêu: Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" giai đoạn 2026 - 2030 (tại Quyết định số 1111/QĐ-TTg ngày 19/6/2026).

Nhằm đưa "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" thực sự trở thành ngày hội của toàn dân, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng cống hiến và phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa, con người Việt Nam, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà yêu cầu:

Việc tổ chức "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" năm 2026 phải bảo đảm trang trọng, thiết thực, có chiều sâu, có sức lan tỏa; phải tạo được dấu ấn mới về cách tổ chức các sự kiện văn hóa có ý nghĩa quốc gia, góp phần cụ thể hóa chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức; lấy hiệu quả hưởng thụ của Nhân dân làm thước đo đánh giá

Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức, kiên quyết chấm dứt tình trạng hành chính hóa; chuyển hình thức tổ chức dưới dạng lễ kỷ niệm, hội nghị trong hội trường sang các không gian công cộng (quảng trường, phố đi bộ, di tích văn hóa - lịch sử, bảo tàng, công viên, nhà văn hóa thôn/bản...) với các chuỗi hoạt động trải nghiệm thực chất ngoài cộng đồng; lấy người dân, cộng đồng, đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức, doanh nghiệp và thế hệ trẻ vừa là trung tâm, vừa là chủ thể tham gia, sáng tạo, vừa là đối tượng thụ hưởng trực tiếp mọi thành quả văn hóa.

Các hoạt động kỷ niệm phải thể hiện được bản sắc văn hóa Việt Nam, đồng thời phản ánh tinh thần đổi mới, sáng tạo, hội nhập và khát vọng phát triển đất nước; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, du lịch di sản và kinh tế số; lấy hiệu quả hưởng thụ văn hóa của Nhân dân và mức độ lan tỏa xã hội làm thước đo đánh giá kết quả thực hiện.

Kết hợp hài hòa nguồn lực từ ngân sách nhà nước với huy động tối đa các nguồn xã hội hóa hợp pháp theo quy định; trong đó, triệt để thực hành tiết kiệm, an toàn, hiệu quả trong các hoạt động tổ chức kỷ niệm.

Đồng thời, bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đúng quy định, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nếp sống văn minh tại các không gian công cộng.

Phấn đấu để mỗi hoạt động trở thành một sản phẩm văn hóa cụ thể và có khả năng lan tỏa, mỗi địa phương có một dấu ấn văn hóa, qua đó từng bước xây dựng "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" trở thành một thương hiệu văn hóa quốc gia.

Đưa di sản văn hóa, các giá trị văn hóa độc đáo của dân tộc thực sự thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành các sản phẩm văn hóa có sức lan tỏa, có giá trị của Việt Nam để quảng bá ra thị trường trong nước và quốc tế.

Hướng dẫn thống nhất tiêu chí tổ chức hoạt động cho các địa phương

Để chuẩn bị cho việc tổ chức "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" năm 2026, năm mở đầu triển khai Kế hoạch của giai đoạn 2026 - 2030, diễn ra sôi nổi, vui tươi, thiết thực, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khẩn trương xây dựng Kế hoạch tổng thể tổ chức "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" năm 2026 kèm theo bộ nhận diện Ngày Văn hóa Việt Nam (logo, khẩu hiệu, ấn phẩm và thông điệp truyền thông) để sử dụng thống nhất trên toàn quốc và trên môi trường số.

Trong đó, làm rõ chủ đề, thông điệp, nội dung, quy mô, địa điểm, hoạt động trọng tâm, bảo đảm ngắn gọn, cô đọng, có điểm nhấn, có sản phẩm đặc trưng, tránh dàn trải; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 05/10/2026.

Hướng dẫn thống nhất cho các địa phương tiêu chí tổ chức hoạt động sôi nổi, tiết kiệm, tránh phô trương, lãng phí.

Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng các hoạt động trải nghiệm văn hóa, di sản, làng nghề, ẩm thực, nghệ thuật truyền thống gắn với các sản phẩm, tuyến, điểm du lịch; tạo hiệu ứng lan tỏa từ sự kiện văn hóa sang phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa.

Tổ chức đợt phát động sáng tác văn học, nghệ thuật lan tỏa tinh thần yêu nước và khát vọng cống hiến, tạo không khí văn hóa rộng khắp trong toàn xã hội trong Ngày Văn hóa Việt Nam.

Nghiên cứu tổ chức theo hướng một sự kiện trọng tâm kết hợp chuỗi hoạt động hưởng ứng trên phạm vi cả nước, bảo đảm nội dung hấp dẫn, dễ tiếp cận, nhất là đối với thanh thiếu niên.

Lựa chọn một số sản phẩm văn hóa đặc sắc, có khả năng trở thành sản phẩm thương hiệu thường niên, gắn với di sản, nghệ thuật, văn học, điện ảnh, âm nhạc, ẩm thực, thiết kế, thủ công mỹ nghệ và các lĩnh vực công nghiệp văn hóa của Việt Nam để quảng bá, giới thiệu trong Ngày Văn hóa Việt Nam.

Quảng bá hình ảnh đất nước đến cộng đồng quốc tế trong tháng 11 hàng năm

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nghiên cứu tổ chức các hoạt động "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" tại một số địa bàn phù hợp, gắn với ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại và quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam và Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước, di sản văn hóa dân tộc và con người Việt Nam đến cộng đồng quốc tế và kiều bào trong tháng 11 hàng năm.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo phát động, tổ chức các chương trình ngoại khóa, tham quan bảo tàng, học tập lịch sử qua di sản, đưa trò chơi dân gian, thực hành di sản văn hóa vào trường học trong tuần lễ hưởng ứng "Ngày Văn hóa Việt Nam" hàng năm.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ Kế hoạch tổ chức "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11" năm 2026 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể của địa phương mình.

Trong đó, xác định rõ chủ đề, thông điệp "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11", chủ động bố trí nguồn ngân sách và đẩy mạnh huy động các nguồn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành trước ngày 20/10/2026.

Mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn hoạt động, sản phẩm quảng bá gắn với xúc tiến, kích cầu du lịch

Bên cạnh đó, chủ động triển khai các chuỗi hoạt động giao lưu văn nghệ, thể thao vui tươi, sôi nổi, lành mạnh phù hợp với điều kiện thực tế và đặc trưng văn hóa của địa phương; khuyến khích tổ chức các hoạt động phù hợp tại bảo tàng, thư viện, di tích văn hóa lịch sử, không gian công cộng, cơ sở giáo dục và các điểm du lịch...

Mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn ít nhất một hoạt động, sản phẩm hoặc không gian văn hóa tiêu biểu, đặc trưng của địa phương (tuyến phố đi bộ, lễ hội dân gian truyền thống, không gian ẩm thực - làng nghề...) để giới thiệu, quảng bá trong "Ngày Văn hóa Việt Nam" gắn với xúc tiến, kích cầu du lịch địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo triển khai công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường; kiên quyết xử lý tình trạng biến tướng lễ hội, mê tín dị đoan hoặc thương mại hóa quá mức các giá trị di sản.

Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động sản xuất các phóng sự chuyên đề hưởng ứng "Ngày Văn hóa Việt Nam - 24/11", nhằm lan tỏa mạnh mẽ các giá trị văn hóa dân tộc trên các nền tảng mạng xã hội, thu hút giới trẻ.

Nguồn: baochinhphu.vn

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng thay mặt Chính phủ ký Nghị quyết số 280/NQ-CP ngày 22/9/2026 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Kế hoạch).

Đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể, làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, bảo đảm hiện thực hóa mục tiêu khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển hiệu quả, bền vững, đưa Việt Nam trở thành điểm đến có sức cạnh tranh thu hút nguồn vốn nước ngoài trung và dài hạn chất lượng cao cho đầu tư phát triển, tạo động lực quan trọng thực hiện thành công các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và năm 2045.

Nhằm đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 10-NQ/TW, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, ngành, địa phương cần cụ thể hóa và quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài.

Bên cạnh đó, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư chiến lược; đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, địa bàn; thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ, tăng tính lan tỏa, liên kết với khu vực kinh tế trong

nước; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước; hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư gián tiếp nước ngoài.

Ứng dụng triệt để chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính

Về hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý (đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, quy hoạch, xây dựng, thuế, hải quan, thương mại, cạnh tranh, ngoại hối, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, lao động, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,...) để kịp thời phát hiện các quy định chồng chéo, không phù hợp, điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Bên cạnh đó, chủ động sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định quản lý chuyên ngành nhằm mở rộng tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình phù hợp trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện tác động, bảo đảm công khai, minh bạch, áp dụng thống nhất và không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư.

Ứng dụng triệt để chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh; thực hiện liên thông giữa các cơ quan; quản trị đầu tư trên nền tảng số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; phân cấp, phân quyền đi đôi với chuẩn hoá quy trình, công khai, minh bạch, hậu kiểm hiệu quả.

Lồng ghép Chương trình, Kế hoạch hành động phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, cơ quan, địa phương hằng năm và 05 năm; chủ động bố trí, lồng ghép kinh phí hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động liên quan.

Xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật công bằng, minh bạch theo cơ chế thị trường trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia, không áp dụng hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, trừ trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; tránh chồng chéo, trùng lặp. Tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư; kịp thời xử lý vi phạm, thu hồi ưu đãi hoặc áp dụng biện pháp phù hợp đối với trường hợp không thực hiện đúng cam kết, sử dụng lãng phí đất đai, tài nguyên, năng lượng hoặc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, trật tự, an toàn xã hội.

Bộ Tài chính xây dựng cơ chế hậu kiểm, đánh giá định kỳ việc thực hiện cam kết đầu tư; thu hồi ưu đãi, hỗ trợ nếu không thực hiện theo cam kết; ưu tiên các dự án có cam kết sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, đóng góp lớn vào đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và sử dụng nhân lực Việt Nam, phát triển nhà cung ứng trong nước, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng và tuân thủ pháp luật.

Đồng thời, rà soát và công bố danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo hướng nới lỏng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cho một số ngành, lĩnh vực cần ưu tiên thu hút đầu tư; nghiên cứu đề xuất chỉ giữ lại những ngành, nghề thực sự cần hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Ban hành cơ chế cho phép sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đào tạo lao động

Về phát triển nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách cho phép các địa phương sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đào tạo lao động tại cơ sở đào tạo của doanh nghiệp ở trong và ngoài nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh triển khai Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng năm 2045, gắn với nhu cầu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các cụm liên kết ngành, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và dự án chiến lược.

Bên cạnh đó, rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền hoàn thiện quy định pháp luật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động; ưu tiên các ngành công nghệ, kỹ thuật, dữ liệu, tự động tự động hóa, quản trị sản xuất, logistics, tài chính và các kỹ năng xanh, kỹ năng số thiết yếu.

Đồng thời, phối hợp với các địa phương rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền Đề án tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để hình thành các trường trọng điểm để đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao tại các vùng kinh tế trọng điểm, đáp ứng yêu cầu thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài thế hệ mới.

Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, linh hoạt cho các dự án cốt lõi

Về đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, Nghị quyết nêu rõ: Bộ Tài chính nghiên cứu báo cáo cấp có thẩm quyền xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ vượt trội, quy trình thủ tục đầu tư đặc biệt và linh hoạt cho các dự án cốt lõi ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài gắn với kết quả thực hiện cam kết về chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển, đào tạo lao động, giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số; xác định tiêu chí, quy trình lựa chọn, cơ chế theo dõi và hỗ trợ đối với các dự án đầu tư chiến lược phù hợp từng giai đoạn phát triển.

Các địa phương xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế, định hướng phát triển vùng và địa phương, xác định lộ trình thu hút đầu tư nước ngoài, lồng ghép trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 05 năm của địa phương, ưu tiên thu hút các dự án chất lượng cao, có khả năng lan tỏa kết nối với doanh nghiệp nội địa trên địa bàn, phát triển các cụm liên kết ngành và hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ.

Nguồn: baochinhphu.vn

KẾ HOẠCH KẾT NỐI VNEID VỚI HỆ THỐNG ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CÁC NƯỚC ASEAN

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1830/QĐ-TTg ngày 22/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với hệ thống định danh điện tử của các nước ASEAN (Kế hoạch).

Mục đích của Kế hoạch nhằm kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với hệ thống định danh điện tử của Singapore, Lào và từng bước mở rộng với các nước ASEAN khác; xác định rõ phạm vi, đối tượng, lộ trình, phương thức kết nối và trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai.

Bên cạnh đó, đơn giản hóa thủ tục xuất nhập cảnh, giảm khai báo trùng lặp và yêu cầu xuất trình giấy tờ; rút ngắn thời gian kiểm tra, xác minh, xử lý tại cửa khẩu, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân thông qua khai thác, xác thực, đối soát thông tin định danh điện tử trên VNeID và hệ thống định danh điện tử của nước đối tác; qua đó góp phần tăng cường giao lưu nhân dân, thúc đẩy thương mại, đầu tư trong khu vực.

Đồng thời, thí điểm kết nối, xác thực và trao đổi thông tin định danh điện tử xuyên biên giới phục vụ thủ tục xuất nhập cảnh tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu và tuân thủ pháp luật.

Trên cơ sở kết quả thí điểm, đánh giá hiệu quả, khả năng tương thích, tính ổn định và các vướng mắc phát sinh để hoàn thiện mô hình, quy trình, tiêu chuẩn kết nối, làm cơ sở triển khai chính thức và xem xét mở rộng tại các cửa khẩu phù hợp của Việt Nam và các nước ASEAN.

Kết nối ứng dụng VNeID với hệ thống định danh điện tử của Singapore và Lào

Kế hoạch đưa ra các nội dung nhiệm vụ cụ thể như sau:

Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ, Kế hoạch yêu cầu trước ngày 30/10/2026, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện:

Trao đổi với cơ quan có thẩm quyền Singapore, Lào về việc kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với hệ thống định danh điện tử của nước Singapore và Lào; chủ trì về trình tự, thủ tục đối ngoại và cho ý kiến phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ; đề xuất nội dung trao đổi, loại văn kiện ký kết với phía Bạn.

Rà soát, xây dựng quy trình thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh qua cửa khẩu tại Việt Nam đối với trường hợp sử dụng Singpass/LAeID và quy trình công dân Việt Nam sử dụng VNeID tại Singapore, Lào.

Xây dựng tài liệu kết nối, chia sẻ, tích hợp thông tin, dữ liệu giữa ứng dụng định danh quốc gia VNeID với ứng dụng định danh điện tử của các nước ASEAN.

Nghiên cứu xây dựng, ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật kết nối với ứng dụng định danh điện tử của các nước ASEAN và các hệ thống khác.

Sản phẩm đầu ra gồm:

Văn bản hợp tác, thỏa thuận hoặc tài liệu thống nhất kỹ thuật, nghiệp vụ giữa Việt Nam và Singapore, Lào được cấp có thẩm quyền ký kết, làm cơ sở pháp lý triển khai kết nối, công nhận, xác thực định danh điện tử và trao đổi dữ liệu giữa các bên.

Xây dựng quy trình nghiệp vụ xuất nhập cảnh sử dụng định danh điện tử xuyên biên giới.

Ban hành tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật kết nối; tài liệu đặc tả kỹ thuật để kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với ứng dụng định danh điện tử của các nước ASEAN.

Đối với nhiệm vụ về hạ tầng, kỹ thuật, kết nối và tích hợp, Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan:

Chuẩn bị môi trường thử nghiệm, hạ tầng kỹ thuật, kênh truyền, máy chủ, cấu hình kết nối, tài khoản kỹ thuật, công cụ giám sát theo hướng dẫn tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật được ban hành.

Thực hiện kết nối, tích hợp ứng dụng định danh quốc gia VNeID với ứng dụng Singpass/LAeID trên môi trường thử nghiệm theo hướng dẫn tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật được ban hành.

Điều chỉnh, cấu hình tính năng trên hệ thống xuất nhập cảnh của Việt Nam và phối hợp phía Singapore, Lào điều chỉnh hệ thống tương ứng theo quy trình đã được phê duyệt.

Tổ chức kiểm thử chức năng, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hiệu năng, kiểm thử xử lý lỗi, dự phòng và khôi phục dịch vụ; cấp tài liệu kỹ thuật, kịch bản, quyền truy cập, dữ liệu thử nghiệm và bố trí nhân sự phối hợp tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Tổ chức kiểm thử luồng nghiệp vụ tại cửa khẩu.

Kiểm tra, đánh giá hạ tầng, hệ thống, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và điều kiện, tiêu chuẩn theo tài liệu được ban hành trước khi thí điểm chính thức.

Kết quả thực hiện bao gồm:

Hoàn thành kết nối thử nghiệm; báo cáo kết quả tích hợp API, xác thực, đối soát dữ liệu và nhật ký giao dịch; hệ thống xuất nhập cảnh sẵn sàng tiếp nhận, xử lý luồng nghiệp vụ thí điểm sử dụng VNeID/Singpass/LAeID.

Kết quả kết nối; biên bản/báo cáo kiểm thử; văn bản xác nhận đủ điều kiện thí điểm.

Thời gian thực hiện: trước ngày 15/11/2026.

Tổ chức thí điểm tại 2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất

Ngoài ra, Kế hoạch yêu cầu trong năm 2026 và các năm tiếp theo, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, cơ quan, địa phương ***thực hiện thí điểm, vận hành, đánh giá và mở rộng việc kết nối***. Cụ thể như sau:

Tổ chức thí điểm kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với hệ thống định danh điện tử quốc gia của Singapore/Lào tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; phối hợp đơn vị quản lý cảng hàng không, hãng hàng không và cơ quan có thẩm quyền của nước đối tác.

Đo lường, tổng hợp số liệu giao dịch thí điểm; đánh giá thời gian làm thủ tục, tỷ lệ xác thực thành công, tỷ lệ lỗi, số trường hợp xử lý thủ công, phản ánh của người dân, doanh nghiệp và rủi ro phát sinh.

Đánh giá tác động nghiệp vụ xuất nhập cảnh, mức độ giảm thời gian làm thủ tục, khả năng tích hợp với quy trình kiểm soát hiện hành, phương án mở rộng sang cửa khẩu khác.

Tổng hợp kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thí điểm; đề xuất phương án triển khai chính thức.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với hệ thống định danh điện tử quốc gia ASEAN khác.

Sau khi triển khai việc thí điểm, vận hành, đánh giá nêu trên, Kế hoạch yêu cầu các bộ, ngành, địa phương liên quan hoàn thành mô hình thí điểm vận hành tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; có số liệu giao dịch thực tế, tỷ lệ xác thực, thời gian xử lý và phản hồi người dùng; báo cáo đánh giá tác động nghiệp vụ xuất nhập cảnh, mức độ giảm thời gian làm thủ tục, khả năng tích hợp với quy trình kiểm soát hiện hành, phương án mở rộng sang cửa khẩu khác và các nước ASEAN khác.

Có báo cáo tổng kết thí điểm; dự thảo kế hoạch mở rộng giai đoạn tiếp theo.

Đồng thời, kết nối ứng dụng định danh quốc gia VNeID với hệ thống định danh điện tử quốc gia ASEAN khác.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng**

Điều động, bổ nhiệm ông Lê Công Thành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, làm Trợ lý của ông Trần Đức Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Danh Huy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng giữ chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Quyết định số 1839/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Thế Mạnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Thành phố Hà Nội**

- Ông Nguyễn Trung Thành, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quốc Oai, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Quốc Oai; được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Hát Môn nhiệm kỳ 2025 - 2030 và giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hát Môn nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Ông Phùng Huy Diễn, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiều Phú, được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Quốc Oai nhiệm kỳ 2025 - 2030 và giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quốc Oai nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Ông Lý Hoàng Kiên, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hát Môn, được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Kiều Phú nhiệm kỳ 2025 - 2030 và giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiều Phú nhiệm kỳ 2026 - 2031.

*** Tỉnh An Giang**

- Bà Trần Thị Thanh Hương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn